



ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THANH AN
TRƯỜNG MẦM NON SỐ 2 THANH AN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ



ĐIÊN BIÊN – 2025

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Thị Vi	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Lường Thị Thúy	Phó hiệu trưởng	PCT hội đồng - Thư ký	
3	Đinh Thị Hồng Ngoan	Phó hiệu trưởng	Ủy viên hội đồng	
4	Trần Thị Phương Quý	Tổ trưởng	Ủy viên hội đồng	
5	Tòng Thị Hồng	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
6	Lường Thị Thu	Tổ trưởng	Ủy viên hội đồng	
7	Nguyễn Thị Oanh	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
8	Lò Thị Xinh	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
9	Cà Thị Hoan	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	3
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	12
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	15
Tiêu chuẩn 1 : Tổ chức và quản lý nhà trường	15
Mở đầu	15
Tiêu chí 1.1: Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	15
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác	18
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	20
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	23
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	26
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	27
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	30
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	32
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	34
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự an toàn trường học	36
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	39
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	39
Mở đầu	40
Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	40
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	42
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	45
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	47

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	48
Mở đầu	48
Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn	48
Tiêu chí 3.2: Khối phòng, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập	50
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính – quản trị	53
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn	55
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	57
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	59
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	62
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường gia đình và xã hội	62
Mở đầu	63
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	63
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp các tổ chức cá nhân của nhà	65
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	68
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	68
Mở đầu	68
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	69
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	72
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	75
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	78
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	80
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	81

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả tự đánh giá

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc không đạt)

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2, và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	x
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x

Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: Mức 1 đạt (5 tiêu chuẩn và 25 tiêu chí)

Mức 2 đạt (5 tiêu chuẩn và 25 tiêu chí)

Mức 3 đạt (5 tiêu chuẩn và 19 tiêu chí)

2. Kết luận: Trường đạt mức 3

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường Mầm non số 2 Thanh An.

Tên trước đây: Trường Mầm non xã Sam Mứn.

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân xã Thanh An

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương	Điện Biên	Họ và tên hiệu trưởng	Nguyễn Thị Vi
Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố	Điện Biên	Điện thoại	0985578099
Xã/Phường/Thị trấn	Xã Thanh An	Fax	
Đạt chuẩn Quốc gia	Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2023	Website	https://edu.viettel.vn/dbn-dienbien-mnsammun
Năm thay đổi tên trường (theo quyết định thành lập)	Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 28 /8/2025	Số điểm trường	3
Công lập	x	Loại hình khác	
Tư thực		Thuộc vùng khó khăn	
Dân lập		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài	0		

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
Nhóm trẻ từ 13-24 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 18- 24-36 tháng tuổi	4	4	4	4	4

Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi	4	2	2	3	2
Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	2	2	2	3	3
Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	3	4	4	2	3
Cộng	13	12	12	12	12

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	12	12	12	12	12	
1	Phòng kiên cố	12	12	12	12	12	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng phục vụ học tập	12	12	12	12	12	
1	Phòng kiên cố	12	12	12	12	12	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Khối phòng hành chính quản trị	17	17	17	17	17	
1	Phòng kiên cố	17	17	17	17	17	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	

3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	4	4	4	4	4	
V	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	12	12	12	12	12	
1	Phòng y tế	2	2	1	1	1	
2	Phòng họp	1	1	1	1	1	
3	Nhà kho	3	3	3	3	3	
4	Sân vườn	3	3	3	3	3	
5	Cổng, hàng rào	3	3	3	3	3	
	Cộng	58	58	58	58	58	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Ghi chú
Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	2	2	1	0	0	2	
Giáo viên	24	24	12	0	0	24	
Nhân viên	3	1	2	1	1	0	
Cộng	30	28	15	1	1	27	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025	Năm học 2025- 2026
1	Tổng số giáo viên	23	24	24	25	24
2	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với nhóm trẻ)	10,5	9,4	9,1	8,7	9,1
3	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	0	0	0	0	0
4	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ bán trú)	17,6	15,1	11,8	11,4	11,8
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên	7	8	8	8	8
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	0	2	2	2	1
	Các số liệu khác					

4. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025	Năm học 2025- 2026	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	331	316	296	285	264	
	- Nữ	156	157	141	138	129	
	- Dân tộc thiểu số	278	258	237	231	220	
2	Đối tượng chính sách	67	86	82	80	65	
3	Khuyết tật	0	0	2	2	0	
4	Tuyển mới	59	61	58	59	56	

5	Học 2 buổi/ngày	331	316	296	285	264	
6	Bán trú	331	316	296	285	264	
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	30,9	30,1	25,4	23,8	22	
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	21	18,8	22,8	21,2	22,3	
	Trẻ em từ 13-24 tháng tuổi	0	0	0	0	0	
	Trẻ em từ 24-36 tháng tuổi	84	75	75	73	84	
	Trẻ em từ 3-4 tuổi	65	72	76	77	49	
	Trẻ em từ 4-5 tuổi	105	70	68	67	58	
	Trẻ em từ 5-6 tuổi	88	77	62	68	73	
	Các số liệu khác						

5. Các số liệu khác: Không.

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Mầm non số 2 Thanh An thành lập theo Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 28/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã Thanh An, sau sáp nhập địa phương 2 cấp. Trường nằm trên địa bàn Bản Yên, xã Thanh An, tỉnh Điện Biên. Vị trí trung tâm trường và các điểm trường đặt ở khu dân cư phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục của địa phương, có đường giao thông thuận lợi cho việc đưa đón trẻ tới trường. Trường có tổng diện tích là 5.181m², trong đó diện tích phòng học là 670m², diện tích sân chơi là 2.100m².

Trường xây dựng gồm 58 phòng, trong đó 12 phòng học và các phòng chức năng cùng với hệ thống trang thiết bị đồng bộ hiện đại đáp ứng cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ theo yêu cầu, cơ sở vật chất khang trang, môi trường học tập an toàn - sạch - đẹp có đầy đủ các phòng học cho từng độ tuổi đảm bảo đủ diện tích, đủ các phòng chức năng theo quy định như: phòng giáo dục nghệ thuật, phòng tin học, phòng đa chức năng với đầy đủ các trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi cho trẻ hoạt động.

Năm học 2025 - 2026 nhà trường có 12 nhóm trẻ và lớp mẫu giáo với 265 trẻ, trong đó có 04 nhóm trẻ từ 18-36 tháng tuổi với 84 trẻ; 8 lớp mẫu giáo với 181 trẻ. 100% trẻ được ăn bán trú tại trường và học 2 buổi/ngày, được chăm sóc - giáo dục theo Chương trình giáo dục Mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ hàng năm đạt từ 96% trở lên. 100% trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần. Nhà trường có biện pháp can thiệp phục hồi cho 100% trẻ suy dinh dưỡng và thấp còi, số trẻ suy dinh dưỡng và thấp còi đến cuối năm học 2025-2026 còn dưới 2,0%.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương. Nhiều năm liền nhà trường đã đạt các danh hiệu tập thể lao động xuất sắc được Ủy ban nhân dân Tỉnh Điện Biên tặng Bằng khen, ủy ban nhân dân huyện tặng giấy khen. Tổ chức chi đoàn thanh niên nhiều năm liên tục đạt công đoàn vững mạnh xuất sắc được Liên đoàn Lao động huyện Điện Biên tặng Giấy khen. Chi bộ Đảng trong nhà trường nhiều năm liên tục đạt Chi bộ trong sạch vững mạnh được các cấp công nhận và tặng giấy khen.

Nhà trường có tổng số 30 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (trong đó có 03 cán bộ quản lý, 24 giáo viên, 02 nhân viên). Nhà trường có 18/24 giáo viên dạy giỏi các cấp đạt 75% (trong đó giáo viên dạy giỏi cấp trường 18/24 đạt 75%, cấp huyện 8/24 đạt 33,3%, cấp tỉnh 2/24 đạt 8,3%). Có 02 tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể khác có đầy đủ cơ cấu theo quy định. Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên của trường nhiệt tình, năng động, sáng tạo,

tâm huyết với nghề nghiệp, có tinh thần đoàn kết khắc phục khó khăn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. GV tích cực đổi mới phương pháp dạy học nhằm đáp ứng với yêu cầu đổi mới và nhiệm vụ giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay. Trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ theo Điều lệ trường mầm non. 100% giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn. Chất lượng đội ngũ giáo viên, chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ được nâng lên và được khẳng định qua kết quả đánh giá chất lượng của từng năm học. Trong những năm qua các mặt hoạt động của nhà trường đều ổn định, phát triển bền vững, uy tín và vị thế của nhà trường đối với ngành học, với chính quyền địa phương và cha mẹ trẻ ngày một nâng lên đáp ứng đủ điều kiện công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3.

Hàng năm nhà trường làm tốt công tác tham mưu với các cấp lãnh đạo ngành, lãnh đạo địa phương, phối hợp với các cơ quan đoàn thể đóng trên địa bàn, phụ huynh học sinh tập trung mọi nguồn lực tôn tạo cảnh quan môi trường. Duy trì nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và tổ chức tốt các hoạt động của nhà trường.

Trẻ đến trường ngoan, lễ phép, mạnh dạn trong giao tiếp, tích cực tham gia vào các hoạt động, trẻ có nền nếp tốt trong việc thực hiện các hoạt động như học tập, vui chơi, vệ sinh, lao động...

2. Mục đích tự đánh giá

Trước yêu cầu thực tiễn về việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Trường Mầm non số 2 Thanh An đã tiếp tục triển khai công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường.

Tự đánh giá là quá trình nhà trường tự kiểm tra, đánh giá trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

Mục đích của việc tự đánh giá nhằm giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ; Thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường, giúp cho tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu của trường. Từ đó có biện pháp điều chỉnh, khắc phục phù hợp để cải thiện chất lượng hoạt động của nhà trường trong những năm tiếp theo nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quy định.

Thông qua việc tự đánh giá, nhận thức của tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về công tác đánh giá và nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trong nhà trường được thay đổi theo chiều hướng tích cực. Quá trình đánh giá giúp công tác quản lý nhà trường ngày một chặt chẽ và nền nếp hơn. Công tác tự đánh giá thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục và nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân trước nhiệm vụ được giao.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá.

Để triển khai và hoàn thành tốt công tác tự đánh giá, nhà trường đã huy động tất cả các nguồn lực sẵn có. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng gồm cán bộ chủ chốt, người đứng đầu, đại diện Đoàn Thanh niên, Thanh tra nhân dân giáo viên cốt cán. Hội đồng tự đánh giá của trường tiến hành theo đúng quy trình tự đánh giá, có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, tổ chức hướng dẫn kỹ năng viết phiếu đánh giá tiêu chí, xác định nội hàm gợi ý tìm minh chứng cho từng nhóm. Hội đồng tự đánh giá được chia thành 03 nhóm, mỗi nhóm được phân công thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng, nghiên cứu đánh giá các tiêu chuẩn.

Hoạt động tự đánh giá của nhà trường được thực hiện theo đúng quy trình Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn gồm 7 bước sau:

Bước 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Bước 2. Lập kế hoạch tự đánh giá.

Bước 3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

Bước 4. Đánh giá các mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

Bước 5. Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 6. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Bước 7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá

Tất cả các bước trên đều được thực hiện đúng hướng dẫn và đảm bảo tính dân chủ, công khai khoa học.

Để báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan. Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau. Trong đó chủ yếu bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung của 5 tiêu chuẩn để sưu tầm thông tin, minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích dữ liệu có liên quan, trong quá trình đánh giá nhà trường căn cứ vào các văn bản quy định kiểm định chất lượng Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để làm cơ sở cho việc tiến hành tự đánh giá. Ngoài ra, nhà trường còn sử dụng các phương tiện hỗ trợ khác như: máy vi tính, máy in, máy ảnh, mạng Internet... để khai thác thông tin, minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá. Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục theo Thông tư 19/2018/TT- BGDDT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Kết quả TĐG Trường Mầm non số 2 Thanh An đạt mức 3.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu

Trường Mầm non số 2 Thanh An có cơ cấu, tổ chức bộ máy theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non, có các tổ chức Đảng, đoàn thể phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao và hoạt động có hiệu quả; có hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng, các Tổ chuyên môn thực hiện tốt mọi nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được chia theo độ tuổi, học 2 buổi/ngày. Trường Mầm non số 2 Thanh An hằng năm đã xây dựng kế hoạch phương hướng chiến lược, phát triển nhà trường theo các giai đoạn và cụ thể theo từng năm học. Công tác tổ chức và quản lý các hoạt động trong nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non và các nguồn lực của nhà trường. Định kỳ tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường để đưa ra các giải pháp thực hiện cho phù hợp. Nhà trường thực hiện quản lý và sử dụng tài chính, tài sản, lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo quy định. Hằng năm xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ Cán bộ quản lý, Giáo viên, Nhân viên. Chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, chuyên đề góp phần nâng cao hiệu quả chất lượng chăm sóc giáo dục. Giáo viên đã căn cứ vào kế hoạch giáo dục nhà trường để xây dựng kế hoạch giáo dục của nhóm/lớp theo Chương trình giáo dục Mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương. Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Cán bộ quản lý, Giáo viên, Nhân viên theo đúng năng lực, sở trường và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của từng đồng chí. Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong cơ quan đơn vị, không có tình trạng đơn thư khiếu nại, đảm bảo các quyền lợi của Cán bộ quản lý, Giáo viên, Nhân viên đúng quy định. Hằng năm, nhà trường luôn đảm bảo tốt an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; phòng, chống tai nạn thương tích; phòng, chống cháy, nổ; không có hiện tượng, kỳ thị, hành vi bạo lực hay vi phạm pháp luật về bình đẳng giới, phòng, chống các dịch bệnh trong nhà trường.

1. Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng Giáo dục và Đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có Phương hướng chiến lược phát triển trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một được quy định tại Điều 104 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/06/2019, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn [H1-1.1-01], kế hoạch theo từng năm học; phù hợp với các nguồn lực của nhà trường như đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh [H1-1.1-02].

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của các cấp, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng ủy, căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch được giao. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 [H1-1.1-01] và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường năm học 2025-2026, được Ủy ban nhân dân xã phê duyệt để triển khai, thực hiện đảm bảo theo quy định [H1-1.1-02].

Hàng năm nhà trường làm tốt công tác công khai phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường bằng hình thức niêm yết tại bảng tin, đăng tải trên Website của nhà trường để toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường, các bậc phụ huynh, nhân dân được biết và tham gia góp ý [1.1- 03].

Mức 2

Hàng năm, nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường như: Hiệu trưởng báo cáo kế hoạch của nhà trường với Hội đồng trường, Hội đồng trường có trách nhiệm giám sát thực hiện các nghị quyết của trường, Hội đồng trường tổ chức họp quyết nghị chỉ tiêu phương hướng phát triển của nhà trường, Hội đồng trường phối hợp với Ban thanh tra nhân dân kiểm tra, giám sát các hoạt động của nhà trường; huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường; thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường; kiểm tra nội bộ đánh giá chất lượng đội ngũ, chất lượng học sinh, chất lượng các hội thi; giám sát công tác xây dựng và sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục [H1-1.1-04].

Mức 3

Định kỳ mỗi năm một lần rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Nhà trường tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự

tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường thông qua họp phiên thứ nhất [H1-1.1-04]; Cán bộ quản lý, Giáo viên, Nhân viên thông qua họp hội nghị công nhân viên chức đầu năm [H1-1.1-05]; cha mẹ trẻ thông qua công khai trên bảng tin và trang Website của nhà trường [1.1- 03].

2. Điểm mạnh

Trong những năm qua nhà trường đã xây dựng phương hướng, chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế của địa phương và nguồn lực của nhà trường được Ủy ban nhân dân xã Thanh An phê duyệt và niêm yết trên bảng tin, trên trang thông tin điện tử của nhà trường. Kế hoạch phát triển nhà trường đã đưa ra các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo giai đoạn rất hiệu quả. Hằng năm thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh các mục tiêu, phương hướng phát triển của nhà trường để phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương, đảm bảo tính khả thi.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Hội đồng trường, Ban thanh tra nhân dân nâng cao chất lượng thực hiện các hoạt động kiểm tra giám sát định kỳ và thường xuyên các hoạt động thực hiện các chỉ tiêu phát triển nhà trường theo từng năm học	Hội đồng trường, Ban thanh tra nhân dân	Kế hoạch phát triển nhà trường theo từng năm học. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng trường, Ban thanh tra nhân dân.	Trong năm học 2025 - 2026 và các năm tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Hội đồng nhà trường được thành lập theo điểm b Khoản 1 Điều 9 thông tư 52/2020/TT-BGDĐT, ngày 31/12/2020 Thông tư Ban hành Điều lệ trường mầm non như: Hội đồng trường gồm 09 thành viên [H1-1.2-01]; Hội đồng thi đua khen thưởng 07 thành viên [H1-1.2-02]; Hội đồng chấm sáng kiến 5 thành viên [H1-1.2-03]; Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường 08 thành viên [H1-1.2-04]; Hội đồng thẩm định chương trình giáo dục nhà trường [H1-1.2-05].

Các hội đồng được thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Hội đồng trường họp định kỳ 3 lần/năm học, quyết nghị về mục tiêu, chiến lược phát triển, kế hoạch hoạt động hằng năm của nhà trường; quyết nghị quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; xem xét, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của nhà trường, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết nghị về tổ chức, nhân sự; quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường [H1-1.1-04]; Hội đồng thi đua khen thưởng giúp hiệu trưởng tổ chức các phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với cán bộ giáo viên trong nhà trường, tổ chức họp định kỳ đúng quy định [H1-1.2-06]; Hội đồng chấm sáng kiến thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn [H1-1.2-07]; Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường thực hiện đúng quy định [H1-1.2-08]; Hội đồng thẩm định chương trình tiến hành thẩm định chương trình và đề nghị chỉnh sửa và áp dụng chương trình trong năm học [H1-1.2-09].

Hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh bổ sung nội dung hoạt động cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương [H1-1.1-04]; [H1-1.2-06]; [H1-1.2-07]; [H1-1.2-08]; [H1-1.2-09].

Mức 2

Các Hội đồng duy trì hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường: Hội đồng trường quyết nghị về mục tiêu, chiến lược phát triển, kế hoạch hoạt động hằng năm của nhà trường; quyết nghị quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; quyết nghị về tổ chức, nhân sự; quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường [H1-1.1-04]. Hội đồng thi đua, khen thưởng tổ chức họp xét đề nghị các cấp khen thưởng đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường [H1-1.2-06]. Hội đồng chấm sáng kiến đánh giá, nhận xét phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng đối với sáng kiến [H1-1.2-07]. Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi phát hiện, công nhận, tôn vinh giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi [H1-1.2-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập, thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Hằng năm hội đồng trường và các hội đồng khác duy trì tổ chức các hoạt động có hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ trường mầm non, các hội đồng được định kỳ rà soát, đánh giá cao trong việc góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường đáp ứng nhu cầu của việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Hằng năm kiện toàn các hội đồng trong nhà trường.	Ủy ban nhân dân huyện, cán bộ quản lý.	Tờ trình, các quyết định thành lập.	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Không
Nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa hiệu quả hoạt động của hội đồng trường và các hội đồng khác trong việc góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học.	Các thành viên trong Hội đồng trường; Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi, hội đồng chấm sáng kiến .	Phân công nhiệm vụ, các quyết định thành lập.	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có 01 Chi bộ Đảng độc lập gồm 20 đảng viên [H1-1.3-01]; có 01 chi Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh gồm Bí thư chi đoàn và 09 đoàn viên [H1-1.3-03].

Hằng năm Chi bộ, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và các đoàn thể, tổ chức khác hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ Đảng, Điều lệ Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh giúp nhà trường thực hiện tốt mục tiêu, kế hoạch giáo dục đề ra [H1-1.3-04]; [H1-1.3- 05]; [H1-1.3-06].

Trong những năm qua, các hoạt động của đoàn thể, tổ chức tự rà soát, đánh giá nhằm bổ sung, điều chỉnh hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Cuối mỗi năm chi bộ Đảng đều đánh giá xếp loại đảng viên cuối năm đảm bảo công khai, minh bạch và được Đảng ủy xã đánh giá hoạt động xếp loại chi bộ cuối mỗi năm [H1-1.3-07]; Đoàn thanh niên được Ban chấp hành chi đoàn xã đánh giá và khen thưởng hằng năm [H1- 1.3-09].

Mức 2

Chi bộ nhà trường hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật theo quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong năm tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ nhà trường được Đảng ủy xã Sam Mứn đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-07].

Các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường: Chi bộ nhà trường chỉ đạo thực hiện chủ trương đường lối, xây dựng tập thể đoàn kết vững mạnh, đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh thường xuyên phối hợp với nhà trường trong việc thực hiện đổi mới phương pháp chăm sóc giáo dục trẻ; tổ chức các hoạt động trải nghiệm của trẻ, tổ chức các ngày hội, ngày lễ, các hội thi... [H1-1.3-10].

Mức 3

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá tổ chức cơ sở Đảng,

Đảng Cộng sản Việt Nam trong nhà trường luôn triển khai và thực hiện tốt các quy định của Hiến pháp, Pháp luật, thực hiện đúng điều lệ Đảng Cộng sản. Chi bộ nhà trường được Đảng ủy xã Sam Mứn đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-07].

Các tổ chức đoàn thể và các tổ chức khác của nhà trường hàng năm đều có những đóng góp tích cực vào các hoạt động của nhà trường và cộng đồng như: Tham gia đóng góp đầy đủ các loại quỹ khuyến học, quỹ vì người nghèo, quỹ bảo số 10, quỹ phòng chống thiên tai, mỗi năm tham gia hiến máu nhân đạo có từ 3 đồng chí trở lên, các hoạt động đó đã đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng [H1-1.3-11].

2. Điểm mạnh

Trường có Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác như: Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đều có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định, hằng năm được rà soát đánh giá làm tốt công tác tham mưu, tích cực phối kết hợp với nhà trường tổ chức tốt các hoạt động của trường và cộng đồng, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ nhà trường được Đảng ủy xã Sam Mứn đánh giá 05 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Hoạt động của các tổ chức, đoàn thể trong trường góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục duy trì tốt cơ cấu tổ chức các đoàn thể và các tổ chức khác theo quy định.	Chi bộ, các tổ chức đoàn thể.	Các quyết định thành lập.	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Không
Các đoàn thể, tổ chức khác phối hợp duy trì thực hiện tốt các hoạt động của nhà trường. Tích cực đưa ra các giải pháp đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng về mọi mặt của nhà trường.	Chi bộ, các tổ chức đoàn thể.	Phân công nhiệm vụ, quy chế hoạt động.	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của Tổ chuyên môn được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của Tổ chuyên môn có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có 01 hiệu trưởng; 02 phó hiệu trưởng, đủ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.4-01].

Nhà trường có 02 tổ chuyên môn: Tổ Nhà trẻ - Mẫu giáo bé gồm 14 đồng chí, tổ mẫu giáo Nhỡ - Lớn gồm 15 đồng chí. Các tổ chuyên môn có tổ trưởng và tổ phó [H1-1.4-03]. Các tổ hoạt động theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H1-1.4-04].

Hằng năm 2 tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm, tháng, tuần. Trong những năm học qua Tổ chuyên môn thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho các thành viên trong tổ, kiểm tra đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em, quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục; tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, tham gia đánh giá xếp loại nhân viên; tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ 2 lần/tháng theo quy định [H1-1.4 -05].

Mức 2

Hàng năm các tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của ngành, của trường, căn cứ vào tình hình thực tế của tổ để đề xuất về phương pháp, hình thức tổ chức lớp học và các chuyên đề như: chuyên đề giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tăng cường tiếng việt cho trẻ em dân tộc thiểu số, giáo dục học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, sử dụng ứng dụng AL vào tổ chức các hoạt động giáo dục, chuyên đề “Tôi yêu Việt Nam”. Các chuyên đề được tổ chức có tác dụng thiết thực nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục trong nhà trường [H1-1.4- 06] .

Hàng năm các tổ chuyên môn tổ chức hoạt động theo đúng kế hoạch, định kỳ rà soát, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của tổ và của nhà trường [H1-1.4-07].

Mức 3

Hoạt động của tổ chuyên môn có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường như: tổ chức các chuyên đề, xây dựng khẩu phần, thực đơn đảm bảo dinh dưỡng cho trẻ, phối hợp tổ chức tốt các hội thi, các hoạt động tham quan, lễ hội; thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học của tổ, tham gia đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên, đánh giá nhân viên theo quy định; góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của nhà trường [H1-1.4-05].

Hàng năm các tổ chuyên môn thực hiện đầy đủ các chuyên đề chuyên môn theo kế hoạch, có sự tham gia đóng góp của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.4-05]; [H1-1.4-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng đủ số lượng theo quy định tại Thông tư liên tịch 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập. Trường có 02 tổ chuyên môn. Tổ xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm học, tháng, tuần. Định kỳ sinh hoạt chuyên môn 2 lần/tháng theo quy định của Điều lệ trường mầm non, tổ chức các hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Định kỳ thực hiện rà soát, đánh giá, điều chỉnh bổ sung các hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức	Cán bộ quản lý.	Các quyết định thành	Năm học 2025-2026	Không

theo quy định.		lập.	và các năm học tiếp theo.	
Tiếp tục chỉ đạo các tổ chuyên môn, tổ văn phòng tổ chức các hoạt động có hiệu quả trong việc thực hiện nhiệm vụ.	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên nhân viên	Phân công nhiệm vụ, Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn,	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Không
Tiếp tục xây dựng các nội dung kiểm tra đột xuất và định kỳ trong kế hoạch kiểm tra nội bộ về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của giáo viên	Ban giám hiệu; Ban thanh tra nhân dân	Kế hoạch kiểm tra nội bộ	Năm học 2025-2026	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 2 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ em cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 12 (mười hai) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Trong các năm học qua nhà trường có các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Năm học 2025 - 2026, trường có 12 nhóm, lớp trong đó: 04 nhóm trẻ 18 – 24 – 36 tháng, 2 lớp mẫu giáo 3 – 4 tuổi, 03 lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi, 03 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi [H1-1.5-01].

100% các nhóm, lớp được tổ chức học 2 buổi/ngày đảm bảo theo quy định [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

Mức 2

Hàng năm số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo của nhà trường đều được phân chia theo độ tuổi và không vượt quá số lượng trẻ theo quy định. Năm học 2025 – 2026 đến thời điểm đánh giá nhà trường có 12 nhóm trẻ/lớp mẫu giáo với 265 trẻ, trong đó: 04 nhóm trẻ với 84 học sinh, 02 lớp mẫu giáo bé với 49 học sinh, 03 lớp mẫu giáo nhỡ với 58 học sinh, 03 lớp mẫu giáo lớn với 74 học sinh [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

Mức 3

Trong 5 năm liên tiếp nhà trường không có năm nào vượt quá 12 (mười hai) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo cụ thể: năm học 2021 - 2022 là 12 nhóm/ lớp; năm học 2022 - 2023 là 12 nhóm/ lớp; năm học 2023 - 2024 là 12 nhóm/ lớp; Năm học 2024 - 2025 trường có 12 nhóm/ lớp, năm học 2025 - 2026 là 12 nhóm/ lớp trong đó 04 nhóm trẻ với 84 học sinh, 02 lớp mẫu giáo bé với 49 học sinh, 03 lớp mẫu giáo nhỡ với 58 học sinh, 03 lớp mẫu giáo lớn với 74 học sinh [H1-1.5-01]; [H1-1.5-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có số lượng trẻ trong mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi, không năm nào vượt quá số lượng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Trong 5 năm liên tục nhà trường không có trẻ khuyết tật và tổ chức giáo dục hòa nhập, 100% các lớp được tổ chức học 2 buổi/ngày.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục tăng cường các biện pháp huy động tối đa số trẻ trong độ tuổi ra lớp, đặc biệt là trẻ từ 0 - 2 tuổi và trẻ 3 - 5 tuổi, duy trì và tổ chức tốt các nhóm, lớp đảm bảo số lượng trẻ/nhóm, lớp theo quy định.	Cán bộ quản lý, giáo viên.	Kế hoạch giao tuyển sinh, kế hoạch giáo dục trẻ em.	Năm học 2025-2026 và trong các năm tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế

chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách đảm bảo theo quy định (Điều 21 mục 1) điều lệ trường mầm non. Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đầy đủ theo quy định tại Nghị định 30/2020 về công tác văn thư, bao gồm các hồ sơ: Hồ sơ quản lý trẻ em [H1-1.5-01]; Hồ sơ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.6-01]; Kế hoạch phát triển nhà trường và kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo năm học [H1-1.1-02]; [H1-1.6-02]; Hồ sơ phổ cập giáo dục [H1-1.6-03]; Hồ sơ quản lý tài sản, tài chính [H1-1.6-04]; Hồ sơ quản lý các văn bản [H1-1.6-05].

Hàng năm nhà trường lập dự toán, thực hiện công tác thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường [H1-1.6-04]; [H1-1.6-06].

Hàng năm nhà trường làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc, giáo dục. [H1-1.6-07].

Mức 2

Trong các năm học nhà trường sử dụng có hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài sản và các hoạt động trong nhà trường như: phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia; sử dụng phần mềm Misa, edu [1.6-08]; [1.6-09].

Trong 5 năm liên tiếp nhà trường được các cấp kiểm tra đánh giá, kết luận thực hiện tốt việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản theo kết luận kiểm tra [H1-1.6-07].

Mức 3

Trong 05 năm qua nhà trường có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương [H1-1.6-10]. [H1-1.6-11]. [H1-1.6-12]. [H1-1.1-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách, được lưu trữ đầy đủ theo quy định của Luật lưu trữ. Hằng năm đã làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc, giáo dục. Trong những năm vừa qua nhà trường sử dụng có hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Trong 5 năm liên tiếp nhà trường được các cấp kiểm tra đánh giá, kết luận không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính. Tài sản nhà trường quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước cấp và kinh phí xã hội hóa giáo dục; khai thác và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có để phục vụ cho các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục chỉ đạo làm tốt nhiệm vụ quản lý hành chính, tài chính và tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục.	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.	Kế hoạch thực hiện năm học, kế hoạch phát triển nhà trường và kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo năm học.	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Không
Sử dụng có hiệu quả hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính tài chính và tài sản của nhà trường.	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.	Các phần mềm thực hiện công tác quản lý hành chính tài chính và tài sản của nhà trường.	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	4.000.000

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, đưa ra các nội dung, nhiệm vụ cụ thể cho việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên [H1-1.7-01].

Hàng năm nhà trường thực hiện phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo hợp lý, phù hợp với năng lực sở trường công tác, đảm bảo hiệu quả nhằm phát huy khả năng của mỗi cá nhân trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.4-03].

100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều 10, điều 29 Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền: Được tôn trọng, bảo vệ nhân phẩm, danh dự và thân thể, được hưởng các quyền lợi về vật chất, tinh thần theo quy định; được tự chủ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn và nhà trường, được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; được hưởng tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật; được tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, hưởng nguyên lương, phụ cấp theo lương và các chế độ chính sách khác theo quy định khi được cấp có thẩm quyền cử đi học tập bồi dưỡng; được khen thưởng, tặng danh hiệu thi đua, các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-1.3-10]; [H1-1.7-02].

Mức 2

Trong các năm qua nhà trường có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Nhà trường tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ như: Tham gia học lớp bồi dưỡng lý luận chính trị, chức danh nghề nghiệp, tin học, ngoại ngữ... tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm góp phần phát triển và nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường [H1-1.4-05]; [H1-1.7-01]; [H1-1.7-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, phân công nhiệm vụ cụ thể, hợp lý, rõ ràng phù hợp với năng lực, điều kiện hoàn cảnh của từng người, có những biện pháp phát huy được khả năng của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong xây dựng, phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục của nhà trường. 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được bảo đảm các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đạt hiệu quả cao.	Cán bộ quản lý, tổ trưởng.	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Năm học 2025 - 2026 và những năm học tiếp theo.	Không
Thường xuyên rà soát các nội dung để điều chỉnh kịp thời. Quán triệt thực hiện tốt việc tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị.	Cán bộ quản lý.	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Năm học 2025 - 2026 và những năm học tiếp theo.	Không
Thực hiện có hiệu quả, đúng kế hoạch về nội dung bồi dưỡng của nhà trường nhằm nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Năm học 2025 - 2026 và những năm học tiếp theo.	Không
Sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực, duy trì đảm bảo đầy đủ các quyền lợi cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo quy định.	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học.	Năm học 2025 - 2026 và những năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) *Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Hàng năm, nhà trường căn cứ vào Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để chỉ đạo xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường. Năm học 2025 - 2026 nhà trường xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường theo văn bản hợp nhất số 01/VBHN- BGDDT ngày 13/4/2021 của Bộ GD&ĐT Thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non, lựa chọn mục tiêu, nội dung, hoạt động phù hợp với nhận thức của học sinh, đảm bảo mục tiêu cuối độ tuổi, phù hợp với điều kiện của lớp, của trường và địa phương [H1-1.6-02].

Nhà trường chỉ đạo giáo viên xây dựng và thực hiện kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo theo quy định của trường, của ngành và địa phương đảm bảo, hiệu quả cao trong các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ [H1-1.6-02].

Kế hoạch giáo dục định kỳ kiểm tra, rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục kịp thời theo quá trình thực hiện và hiệu quả thực hiện chương trình phù hợp với điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp [H1-1.2-09]; [H1-1.3-10].

Mức 2

Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ, kiểm tra đánh giá các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ của từng nhóm, lớp được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ qua từng năm được nâng lên một cách rõ rệt, được thể hiện qua các hội thi, giao lưu của trẻ trong các năm học đạt được kết quả cao [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục sát với Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, đảm bảo phù hợp với khả năng, năng lực của từng trẻ, với điều kiện của lớp, của trường và địa phương, triển khai thực hiện kế hoạch đầy đủ, hiệu quả và được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Ban giám hiệu tích cực chỉ đạo giáo viên làm tốt hơn nữa việc xây dựng kế hoạch giáo dục và triển khai có hiệu quả phù hợp với độ tuổi và điều kiện thực tế.	Cán bộ quản lý, giáo viên các lớp.	Phương hướng chiến lược phát triển nhà trường, kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.	Năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo.	Không
Tiếp tục rà soát, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện thực tế.	Cán bộ quản lý, giáo viên các lớp	Phương hướng chiến lược phát triển nhà trường theo từng năm học, kế hoạch kiểm tra nội bộ.	Năm học 2025- 2026 và những năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Hằng năm cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường được tham gia, thảo luận đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định và quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường tại Hội nghị cán bộ viên chức như: các mục tiêu, nhiệm vụ, phương hướng chiến lược phát triển nhà trường, quy chế dân chủ, quy tắc ứng xử văn hóa trường học, quy chế chuyên môn, quy chế quản lý tài sản, thực hiện huy động trẻ ra lớp và các quy định khác liên quan đến các hoạt động của nhà trường [H1-1.9-01]; [H1-1.1-05].

Nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của Cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục

và các hoạt động khác của nhà trường [H1-1.3-10].

Hàng năm nhà trường làm tốt công tác báo cáo kịp thời lên cấp trên về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị, có các biện pháp và cơ chế giám sát theo chức năng giám sát của hội đồng trường, Ban thanh tra nhân dân về việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.9-01].

Mức 2

Nhà trường có biện pháp và cơ chế giám sát thực hiện tốt quy chế dân chủ đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả: công khai chất lượng chăm sóc, giáo dục, chất lượng đội ngũ giáo viên, chất lượng học sinh, tài chính, tài sản, các kế hoạch của nhà trường, công tác thi đua, bình xét nâng lương, công tác Đảng, các văn bản liên quan đến chế độ chính sách cán bộ, giáo viên, nhân viên và kết quả xã hội hóa trên bảng tin, bảng công khai, Website trường, báo cáo tổng kết của nhà trường để mọi người cùng biết [H1-1.9-01]; [H1-1.1-04]; [H1-1.9-02].

2. Điểm mạnh

Hàng năm nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ, đảm bảo 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định và quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Công tác dân chủ tại đơn vị được trú trọng nên không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Nhà trường làm tốt công tác báo cáo kịp thời lên cấp trên về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị. Có các biện pháp, cơ chế giám sát việc thực hiện theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch dưới mọi hình thức trong các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường thực hiện tốt công tác dân chủ, công khai minh bạch, phát huy quyền dân chủ của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc góp ý nội quy quy chế, quy định liên quan đến các hoạt động của nhà trường.	Cán bộ quản lý.	Quy chế dân chủ, bảng tin Website của trường.	Năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo.	Không
Tiếp tục lấy ý kiến dân chủ, bàn bạc của đội ngũ trong nhà trường trước	Ban giám hiệu nhà trường	Quy chế dân chủ trong nhà trường, nội	Năm học 2025-2026 và trong	Không

khi thực hiện các nội dung phát huy quyền dân chủ của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc góp ý nội quy quy chế, quy định liên quan đến các hoạt động của nhà trường.		quy, quy chế trường học.	các năm học tiếp theo.	
Lắng nghe ý kiến, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của đội ngũ, phụ huynh và cộng đồng đề kịp thời giải quyết.	Ban giám hiệu	Quy chế dân chủ trong nhà trường, nội quy, quy chế trường học.	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích, an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường xây dựng đầy đủ các loại phương án thực hiện theo năm học như: Phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; phương án vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; phương án an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-03]; phương án phòng cháy chữa cháy [H1-1.10-04]; phương án

phòng chống ngộ độc thực phẩm [H1-1.10-05]; Phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và bạo lực học đường [H1-1.10-07]; Nhà trường thực hiện theo bản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm đối với bếp ăn tập thể [H1-1.10-08]; [H1-1.10-9].

Nhà trường có hòm thư góp ý được để ở nơi thuận lợi, có số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh, của người dân, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến. Đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường [1.10-11]; [H1-1.10-01].

Trong 05 năm nhà trường không có cán bộ, giáo viên, nhân viên nào có hiện tượng kỳ thị, có hành vi bạo lực trẻ em và những hành vi, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.10-08]; [H1-1.3-10].

Mức 2

Nhà trường đã phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện các phương án như: phương án đảm bảo an ninh trật tự; phương án vệ sinh an toàn thực phẩm; phương án an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; phương án an toàn phòng, chống cháy, nổ; phương án phòng, chống dịch bệnh; phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phương án phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.3-10].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, đảm bảo an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Trong các năm học không có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường trong nhà trường [H1-1.10-08]; [H1-1.3-10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án theo quy định, phổ biến, hướng dẫn tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, thực hiện có hiệu quả. Có hòm thư góp ý để ở nơi thuận tiện để cho giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh và các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến. Thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực trong nhà trường, đảm bảo an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Không có trường hợp nào bị kỳ thị, không có cán bộ, giáo viên, nhân viên nào có hành vi bạo lực trẻ em và những hành vi, vi phạm pháp luật khác trong nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục triển khai, phổ biến thực hiện hiệu	Cán bộ quản lý.	Các phương án,	Năm học 2025-2026	Không

quả các phương án để đảm bảo tuyệt đối an toàn tính mạng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.		kế hoạch thực hiện.	và những năm học tiếp theo.	
Tiếp tục đăng ký tập huấn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên về cách phòng cháy, chữa cháy để kịp thời xử lý khi có sự cố cháy nổ xảy ra.	Ban giám hiệu, giáo viên, nhân viên.	Kế hoạch	Năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 1

Nhà trường có phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2026 được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ theo từng năm học và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; Có chi bộ Đảng và các đoàn thể hoạt động theo đúng quy định; có hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn, tổ văn phòng đủ theo quy định. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng hoạt động hiệu quả, được định kỳ rà soát đánh giá và điều chỉnh.

Hàng năm, nhà trường có số lượng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định, được phân chia theo độ tuổi, 100% trẻ được học 2 buổi/ngày, nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập, số trẻ/lớp đảm bảo không vượt quá quy định. Hàng năm, nhà trường có từ 12 nhóm/lớp gồm nhóm trẻ và lớp mẫu giáo.

Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ và được lưu trữ theo quy định của Luật lưu trữ; hằng năm quản lý tài chính, lập dự toán thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản đúng mục đích, có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Nhà trường có kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp với điều kiện của nhà trường, thực tế địa phương. Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ giáo viên, nhân viên. Thực hiện phân công, sử dụng cán bộ hợp lý, hiệu quả, đảm bảo được các quyền, chế độ theo quy định. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với quy định, điều kiện thực tế, đảm bảo mục tiêu giáo dục, định kỳ có rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kịp thời, chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ đạt hiệu quả. Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ, hằng năm có báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở với phòng Giáo dục và Đào tạo đúng quy định. Thực hiện nghiêm túc quy chế, các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học được nhà trường công khai, minh bạch. Công tác an ninh trật tự, an toàn trường học được đảm bảo, không có hiện tượng kỳ thị bạo lực, vi phạm pháp luật trong nhà trường.

+ *Số tiêu chí đạt yêu cầu: 10*

+ *Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0*

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu

Nhà trường có đội ngũ Cán bộ, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với nghề nghiệp. 100% đội ngũ Cán bộ, giáo viên, nhân viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn, trong đó tỷ lệ trên chuẩn đạt ở mức cao. Chất lượng, năng lực đội ngũ từng bước được nâng lên đáp ứng với nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ theo Chương trình Giáo dục mầm non và yêu cầu đổi mới về Giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay.

Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng của nhà trường có nhiều năm công tác liên tục trong ngành Giáo dục mầm non, có năng lực quản lý và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin tốt trong quản lý và chỉ đạo chuyên môn. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đều có trình độ đại học, có bằng trung cấp lý luận chính trị và được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục. Hằng năm, đội ngũ Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thường xuyên được bồi dưỡng và tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ.

Hằng năm Cán bộ quản lý được đánh giá xếp loại theo chuẩn hiệu trưởng đạt ở mức khá trở lên. Đội ngũ được bố trí công việc phù hợp với vị trí việc làm, giúp phát huy khả năng, năng lực của từng cá nhân. Đội ngũ Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền lợi, chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành, được đánh giá xếp loại hằng năm, được phân công, công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Không có Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên vi phạm pháp luật.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có 01 Hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng đáp ứng được các tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ trường mầm non. Hiệu trưởng Nguyễn Thị Vi có thời gian công tác liên tục trong giáo dục mầm non là 20 năm, phó hiệu trưởng 1 Đinh Thị Hồng Ngoan có thời gian công tác liên tục trong ngành giáo dục mầm non là 21 năm, phó hiệu trưởng 2 Lường Thị Thúy có thời gian công tác liên tục trong ngành giáo dục mầm non là 20 năm. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đều có bằng đại học sư phạm mầm non, bằng trung cấp lý luận chính trị, có chứng chỉ bồi dưỡng quản lý giáo dục mầm non, phó hiệu trưởng 1 có bằng đại học quản lý giáo dục. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có uy tín về chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ; đủ sức khỏe và năng lực tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động của nhà trường [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02].

Hàng năm hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên đánh giá xếp loại theo chuẩn hiệu trưởng đạt từ khá trở lên [H2-2.1-03].

Hàng năm cán bộ quản lý được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định như: bồi dưỡng chính trị, chuyên môn hè, bồi dưỡng các chuyên đề các cấp [H2-2.1-04].

Mức 2

Từ năm học 2025 - 2026 đến nay hiệu trưởng có 03 năm được đánh giá xếp loại khá, 02 năm được đánh giá xếp loại tốt theo chuẩn hiệu trưởng trường mầm non. 2 Phó hiệu trưởng có 05 năm được phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá xếp loại khá [H2-2.1-03].

Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng có bằng trung cấp lý luận chính trị. Trong quá trình công tác hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng luôn được tin nhiệm của tập thể giáo viên, nhân viên trong trường và được lãnh đạo các cấp đánh giá cao và khen thưởng [H2-2.1-02]; [H2-2.1-05]; [H2-2.1-06].

Mức 3

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá hiệu trưởng có 03 năm được đánh giá xếp loại khá, (từ năm học 2020-2021- đến năm học 2021 -2022) được đánh giá xếp loại tốt (năm học 2024-2025) được đánh giá xếp loại Tốt theo chuẩn hiệu trưởng trường Mầm non. 02 Phó hiệu trưởng có 05 năm (năm học 2020-2021 đến năm 2021-2022) được phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá xếp loại khá (năm học 2022-2023) được xếp loại tốt theo chuẩn phó hiệu trưởng trường Mầm non [H2-2.1-03].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đảm bảo các yêu cầu theo quy định về trình độ đào tạo, năm công tác theo quy định. Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục, lý luận chính trị. Cán bộ quản lý có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động của nhà trường, luôn được đồng nghiệp tin nhiệm. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng được phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá xếp loại khá trở lên theo chuẩn hiệu trưởng trường mầm non, trong đó: Hiệu trưởng có 02 năm được đánh giá xếp loại tốt.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Ban giám hiệu nhà trường tiếp tục tích cực bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.	Cán bộ quản lý.	Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục.	Trong năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Không
Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng tiếp tục bồi dưỡng học tập để nâng cao nghiệp vụ tay nghề và năng lực quản lý, phấn đấu được đánh giá xếp loại chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng ở mức tốt.	Cán bộ quản lý.	Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục.	Trong năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục Mầm non theo quy định;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Năm học 2025-2026 nhà trường có 24 giáo viên, tỷ lệ 2,0 GV/nhóm, lớp, số giáo viên đảm bảo theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.4-03]; [H1-1.6-01].

Nhà trường có 24/24 giáo viên, tỷ lệ 100% có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn: 24/24, tỷ lệ 100% [H2-2.2-01].

Hàng năm nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó năm học: Năm học 2021 – 2022: Tốt: 10/24 đạt 41,7%; khá 14/24 đạt 58,3%; Năm học 2022 – 2023: Tốt: 16/24 đạt 66,7%; khá 8/24 đạt 33,3%; Năm học 2023 – 2024: Tốt: 16/24 đạt 66,7%; khá 8/24 đạt 33,3%; Năm học 2024 – 2025: Tốt: 14/25 đạt 56%; khá 11/25 đạt 44% [H2-2.2-02].

Mức 2

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn. Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình từng năm [H2-2.2-01].

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên được đánh giá xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non từ mức khá trở lên, trong đó: Xếp loại tốt đạt 58,3%; xếp loại khá đạt 41,7% [H2-2.2-02].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật [H1-1.3-11].

Mức 3

Tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên, trong đó trên chuẩn 91,7% [H2-2.2-01].

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên được đánh giá xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp từ mức khá trở lên, trong đó: Xếp loại tốt đạt 41,7%; xếp loại khá đạt 58,3% [H2-2.2-02].

2. Điểm mạnh

Hàng năm nhà trường có đủ số lượng giáo viên, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non theo quy định. 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn trở lên, trong đó trên chuẩn 91,7%. Công tác đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp được triển khai và thực hiện nghiêm túc. 100% giáo viên được đánh giá xếp loại khá trở lên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, trong đó, xếp loại tốt 41,7%. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên để tăng tỷ lệ giáo viên xếp loại tốt theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.	Cán bộ quản lý, Giáo viên.	Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT ban hành chuẩn nghề nghiệp giáo viên.	Trong năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Không
Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên qua các hoạt động tập huấn chuyên môn, trao đổi về phương pháp và hình thức tổ chức nhóm lớp, dự giờ, sinh hoạt chuyên môn để bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên.	Cán bộ quản lý, Giáo viên.	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Trong năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có đủ nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm theo quy định gồm: 02 nhân viên bảo vệ; 01 nhân viên y tế học đường, 01 nhân viên kế toán, 03 nhân viên nấu ăn, 01 giáo viên kiêm nhiệm hỗ trợ công tác nấu ăn bán trú cho trẻ. Số lượng nhân viên đủ theo quy định, đảm bảo các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công [H1-1.4-03]; [H2-2.3-01].

Các nhân viên trong nhà trường được hiệu trưởng phân công công việc rõ ràng, phù hợp với khả năng, năng lực, trình độ chuyên môn và năng lực thực tế của từng đồng chí [H1-1.4-03].

Nhân viên trong nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao, thực hiện đúng nội quy, quy chế chuyên môn, công tác tổ chức nấu ăn cho trẻ, công tác chăm sóc sức khỏe và bảo quản tốt cơ sở vật chất trong nhà trường và hằng năm đều được hiệu trưởng đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H2-2.3-02].

Mức 2

Nhà trường có đủ nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 4 Điều 5 Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGD&ĐT- BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ, quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở Giáo dục mầm non công lập. Số lượng người nấu ăn chưa đủ định mức theo quy định do đời sống nhân dân còn khó khăn nên mức đóng góp để thuê người nấu ăn cho trẻ thấp, chưa đủ để thuê thêm người làm công tác nấu ăn cho trẻ. Hiện tại trường đang bố trí nhân viên kế toán, 02 nhân viên bảo vệ và 01 giáo viên kiêm nhiệm hỗ trợ công tác nấu ăn cho trẻ [H2-2.3-01]; [H1-1.4-03]; [H1-1.6-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, 100% nhân viên trong nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-02]; [H1-1.3-11].

Mức 3

Đội ngũ nhân viên của nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm. Nhân viên kế toán có bằng tốt nghiệp cao đẳng, nhân viên y tế có bằng trung cấp y sĩ đa khoa. Hằng năm nhân viên nấu ăn được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ [H2-2.3-03]; [H2-2.3-04].

Hằng năm nhân viên y tế, nhân viên phụ trách công tác bán trú được bồi dưỡng công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, nhân viên kế toán được bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán, nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng về nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy, nghiệp vụ bảo vệ theo vị trí được phân công [H2-2.3-04].

2. Điểm mạnh

Trường có số lượng nhân viên đủ theo quy định, các nhân viên có trình độ đào tạo theo chuyên ngành đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ; được tham gia bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm, được đánh giá hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Việc phân công nhiệm vụ cho nhân viên, người lao động hợp lý, thuận lợi cho việc triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả công việc. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục duy trì số lượng nhân viên hiện có. Thực hiện phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ đào tạo và năng lực làm việc của mỗi nhân viên.	Nhân viên.	Phân công nhiệm vụ.	Trong năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Không
Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn cho nhân viên y tế, nhân viên kế toán, nhân viên nấu ăn.	Cán bộ quản lý, Nhân viên y tế, nấu ăn.	Kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ y tế, kế toán, nấu ăn, vệ sinh an toàn thực phẩm.	Trong năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	Không
Tích cực tham mưu với Ủy ban nhân dân xã, phối hợp với	CBQL, UBND	Họp phụ huynh đầu năm, các	Trong năm học	2.000đ/ngày/trẻ

ban đại diện cha mẹ học sinh vận động các bậc phụ huynh ủng hộ kinh phí để hợp đồng thêm nhân viên nấu ăn.	xã; các bậc phụ huynh.	văn bản hướng dẫn các khoản thu - chi năm học 2025-2026.	2025-2026 và các năm học tiếp theo	
--	------------------------	--	------------------------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 2

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có số lượng Cán bộ quản lý đủ theo quy định, hợp lý về cơ cấu, đáp ứng được các yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo quy định. Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng trong nhà trường đảm bảo các yêu cầu theo quy định, có bằng đại học sư phạm, có thời gian công tác liên tục từ 19 năm trở lên. Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý giáo dục, lý luận chính trị, có đủ sức khỏe để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao, được giáo viên, nhân viên trong trường tin nhiệm. Trong 05 năm liên tiếp, tính đến thời điểm đánh giá hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng được xếp loại chuẩn hiệu trưởng trường mầm non từ khá trở lên, 100% giáo viên đạt trình độ đạt chuẩn trở lên, trong đó trên chuẩn 91,7%. Hằng năm có 100% giáo viên được đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non từ khá trở lên, trong đó xếp loại tốt đạt 41,7%. Giáo viên và nhân viên được tham gia bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm, được đánh giá hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Việc phân công nhiệm vụ cho giáo viên, nhân viên, người lao động hợp lý, thuận lợi cho việc triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả công việc. Hằng năm nhà trường không có Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên bị kỷ luật.

Tuy nhiên số lượng người nấu ăn chưa đủ định mức theo quy định do đời sống nhân dân còn khó khăn nên mức đóng góp để thuê người nấu ăn cho trẻ thấp, chưa đủ để thuê thêm người làm công tác nấu ăn cho trẻ. Hiện tại nhà trường đang bố trí 3 nhân viên và 01 giáo viên kiêm nhiệm hỗ trợ công tác nấu ăn bán trú cho trẻ.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 3

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mở đầu

Trường mầm non số 2 Thanh An được xây dựng trên địa bàn bản Yên xã Thanh An với tổng diện tích đất 5.181m². Khuôn viên xanh sạch đẹp, hệ thống cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được cắt tỉa đẹp. Nhà trường có cổng trường, biển tên trường, tường bao quanh ngăn cách với bên ngoài. Có khu trải nghiệm cho trẻ, khu phát triển vận động, góc địa phương bản sắc dân tộc Thái, thư viện xanh, khu chơi với cát nước, sân chơi, các khu vực cho trẻ chơi bảo đảm yêu cầu. Có đủ các khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, phòng sinh hoạt chung, hiên chơi, hành lang, các khối phòng phục vụ học tập đảm bảo về diện tích và các thiết bị phục vụ cho công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Các khối phòng hành chính quản

trị đảm bảo theo quy định và bố trí hợp lý. Nhà vệ sinh của giáo viên và học sinh đảm bảo theo thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non. Nhà trường có bếp ăn được thiết kế và tổ chức theo quy trình bếp một chiều, kho bếp được phân chia: kho lương thực và kho thực phẩm, có thiết bị bảo quản thực phẩm, có đủ các thiết bị đồ dùng đảm bảo theo quy định, hằng năm được kiểm kê, sửa chữa, bổ sung nâng cấp đáp ứng nhu cầu tổ chức chăm sóc, giáo dục trẻ. Có nguồn nước sạch đủ cho các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường, hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh.

Tiêu chí 3.1: diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

a) *Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;*

b) *Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;*

c) *Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.*

Mức 2:

a) *Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;*

b) *Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài, có sân chơi, nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa đẹp; có vườn cây giành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;*

c) *Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao hồ (nếu có).*

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có tổng diện tích khu đất xây dựng 5.181,4m² (trong đó trung tâm trường là 2.409m², điểm trường Lọng Quân diện tích 1.227,4m², điểm trường Thôn 10 - Yên Cang diện tích 1.545m²), bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định 16,4m²/trẻ [H3-3.1-01].

Có công trường, biển tên trường theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 Ban hành Điều lệ trường mầm non. Khuôn viên trung tâm và các điểm trường đều có tường xây bao quanh, cảnh quan môi trường thân thiện, an toàn cho trẻ vui chơi và học tập [3.1-02]; [3.1-03].

Trường có 3 sân chơi ở trung tâm và các điểm trường với tổng diện tích là 1.100m², được quy hoạch và thiết kế bố trí phù hợp lán xi măng bằng phẳng, không trơn trượt, mát mẻ, được sử dụng để tổ chức các hoạt động tập thể đảm bảo an toàn cho tất cả trẻ đều được sử dụng. Có hiên chơi rộng rãi thoáng mát phục vụ cho hoạt động vui chơi và học tập của trẻ; các nhóm/lớp có hành lang đảm bảo theo quy định, thuận tiện cho việc đưa, đón, sinh hoạt của trẻ em khi trời mưa, nắng. Sân chơi chung được quy hoạch và thiết kế phù hợp đảm bảo an toàn cho trẻ, tất cả trẻ được sử dụng, có trồng cây xanh để tạo bóng mát cho trẻ hoạt động vui chơi khi đến trường [3.1-02]; [3.1-03].

Mức 2

Nhà trường có diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, trong đó diện tích xây dựng công trình là 1.952m² (chiếm 37,6%); diện tích sân vườn, cây xanh, sân chơi là 2.506m² (chiếm 48,3%) đảm bảo theo quy định [3.1-03]; [H3-3.1-04].

Khuôn viên trường ở trung tâm và các điểm trường đều có tường bao ngăn cách với bên ngoài đảm bảo an toàn cho trẻ. Trung tâm và các điểm trường có sân chơi, bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa đẹp, có vườn cây, vườn rau dành riêng cho trẻ chăm sóc và tạo cơ hội cho trẻ trải nghiệm, học tập như: Khu thiên nhiên của bé, vườn rau của bé, bé cùng trải nghiệm với thiên nhiên, trải nghiệm bản sắc văn hóa dân tộc Thái [3.1-02]; [3.1-03].

Tất cả khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định tại Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14/9/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non (trung tâm và điểm trường Lọng Quân có 10 loại đồ chơi, điểm trường Thôn 10 - Yên Cang có 5 loại đồ chơi) sân chơi thường xuyên sạch sẽ, an toàn cho trẻ [H1-1.6-04]; [3.1-03].

Mức 3

Trung tâm, các điểm trường có sân vườn, khu vực riêng để thực hiện các hoạt động phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành. Hằng năm có bổ sung các thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế của nhà trường, đảm bảo an toàn cho trẻ [3.1-02]; [H1-1.6-04]; [H3-3.1-05].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ diện tích đất sử dụng 5.181,4m², bình quân 16,4m²/trẻ, diện tích xây dựng bình quân cho trẻ đảm bảo theo quy định. Có cổng, biển tên trường, khuôn viên có tường xây bao quanh đảm bảo an toàn cho trẻ. Trung tâm và điểm trường có bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát, có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, khám phá, tạo cơ hội cho trẻ trải nghiệm học tập, có khu vui chơi với các thiết bị và đồ chơi ngoài trời đảm bảo theo quy định. Nhà trường có hiên chơi rộng rãi thoáng mát phục vụ cho hoạt động vui chơi và học tập của trẻ có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời ngoài danh mục đảm bảo phù hợp với thực tế của nhà trường, an toàn cho trẻ.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Hàng năm nhà trường rà soát thiết bị, đồ dùng, đồ chơi và có kế hoạch tu sửa khi hỏng hóc.	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.	Kế hoạch xây dựng và tu sửa cơ sở vật chất.	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	Không
Tiếp tục xin cấp bổ sung, đồ chơi ngoài danh mục cho trẻ sử dụng, tu sửa cơ sở vật chất.	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.	Tờ trình	Năm học 2025 – 2026 và các năm tiếp theo.	100.000.000 đồng
Tích cực huy động các nguồn vận động tài trợ để bổ sung thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, nâng cấp sân chơi cho trẻ	Cán bộ quản lý.	Kế hoạch xã hội hóa	Năm học 2025 – 2026 và các năm tiếp theo.	50.000.000 đồng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động

giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có 12 phòng học/12 nhóm, lớp trong đó nhóm trẻ 18 -24-36 tháng: 04 phòng; lớp mẫu giáo 3-4 tuổi: 02 phòng; lớp mẫu giáo 4-5 tuổi: 03 phòng; lớp mẫu giáo 5-6 tuổi: 03 phòng [H3-3.2-01]; [3.1-03].

Nhà trường có 12 phòng sinh hoạt chung, có 5 phòng ngủ riêng cho trẻ (trung tâm 02 phòng, Thôn 10 - Yên Cang 01 phòng, Lọng Quân 02 phòng); ở trung tâm và điểm trường Thôn 10 - Yên Cang có 02 khu giáo dục thể chất, điểm trường Lọng Quân có 1 phòng giáo dục thể chất có đầy đủ đồ dùng đảm bảo đáp ứng được các hoạt động phát triển giáo dục thể chất cho trẻ; có 02 phòng giáo dục nghệ thuật ở trung tâm và điểm trường Lọng Quân trang bị đầy đủ đồ dùng (gương, gióng múa, đàn, trang phục...) phục vụ cho việc giáo dục nghệ thuật cho trẻ [3.1-03].

Các nhóm, lớp và khối phòng phục vụ học tập có hệ thống bóng điện đủ ánh sáng, có quạt điện đảm bảo cho hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học đầy đủ cho các nhóm, lớp [3.1-03]; [H1-1.6-04].

Mức 2

Trung tâm và các điểm trường có 12 phòng sinh hoạt chung diện tích trung bình 39m²/phòng (trong đó mẫu giáo diện tích trung bình 40m²/phòng, nhóm trẻ diện tích trung bình 38m²/phòng) trung bình 1,5m²/trẻ, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông; có 05 phòng ngủ với diện tích là 116m² có đủ phản, chiếu, chăn, gối, quạt, hệ thống tủ đựng các đồ dùng phục vụ cho trẻ ngủ, thuận tiện khi sử dụng. Nhà trường có 02 khu giáo dục thể chất ở trung tâm và điểm trường Thôn 10 - Yên Cang, điểm trường Lọng Quân có 01 phòng giáo dục thể chất với tổng diện tích 170m², có đầy đủ đồ dùng phát triển vận động đảm bảo theo quy định; có 02 phòng giáo dục nghệ thuật với diện tích 130m² được lắp đặt các thiết bị gương, gióng múa, đàn, trang phục, dụng cụ âm nhạc, giá vẽ tạo hình, các vật liệu đảm bảo đầy đủ đạt chuẩn theo quy định để tổ chức cho trẻ các

hoạt động nghệ thuật âm nhạc như múa, học đàn, biểu diễn văn nghệ, vẽ tranh, sáng tạo nghệ thuật; 01 phòng đa chức năng với diện tích 60m² có đầy đủ đồ dùng để hoạt động [3.1-03]; [H1-1.6-04]; [H3-3.1-04].

Nhà trường có 12/12 nhóm, lớp có đầy đủ hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, tủ đồ dùng cá nhân, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, được sắp xếp hợp lý, an toàn thuận tiện khi sử dụng [3.1-03]; [H1-1.6-04].

Mức 3

Nhà trường có 01 phòng tin học diện tích là 25m² với đầy đủ thiết bị công nghệ thông tin phù hợp như: máy tính, phần mềm kidsmart, máy in, loa, micro... phục vụ các hoạt động vui chơi, khám phá và làm quen với công nghệ thông tin của trẻ em. Có 01 phòng ngoại ngữ phục vụ cho trẻ mẫu giáo hoạt động học tập và làm quen với những từ cơ bản ban đầu của tiếng Anh. Có 02 phòng giáo dục nghệ thuật (trung tâm và điểm trường Lộng Quân) với thiết bị đồ dùng phù hợp cho trẻ làm quen với âm nhạc và sáng tạo nghệ thuật [3.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 12 phòng sinh hoạt chung đảm bảo diện tích trung bình là 55,8m²/phòng đảm bảo diện tích bình quân trên trẻ 2,1m² thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, có đầy đủ hệ thống bóng điện, quạt điện, tủ, kệ, giá để đồ dùng đồ chơi đảm bảo và được sắp xếp hợp lý, thuận tiện, an toàn khi cho trẻ sử dụng. Có 02 phòng giáo dục nghệ thuật bố trí đủ đồ dùng, thiết bị để tổ chức cho trẻ được trải nghiệm các hoạt động nghệ thuật như múa, học đàn, xướng âm, biểu diễn các chương trình văn nghệ của các nhóm/lớp, sáng tạo nghệ thuật; 01 phòng tin học đầy đủ trang thiết bị công nghệ thông tin; 01 phòng ngoại ngữ cho đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục của trẻ và nhu cầu tối thiểu hoạt động giáo dục; có 01 phòng giáo dục thể chất ở điểm trường Lộng Quân diện tích 70m² và 02 khu giáo dục thể chất ở trung tâm và điểm trường Thôn 10 - Yên Cang cho trẻ hoạt động.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh như bảo quản, sử dụng có hiệu quả các phòng, lớp học, đồ dùng, đồ chơi hiện có.	Cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên.	Kế hoạch phát triển nhà trường	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	Không

Thường xuyên kiểm tra việc sử dụng, bảo quản các trang thiết bị, đồ dùng, tại các phòng, có kế hoạch bổ sung trang thiết bị cần thiết cho các khối phòng đa chức năng của nhà trường.	Cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên.	Kế hoạch kiểm tra nội bộ, kế hoạch tu sửa cơ sở vật chất	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	40.000.000 đồng
Nhà trường xây dựng kế hoạch và đề ra những giải pháp cụ thể để huy động các nguồn lực trên địa bàn xã, tranh thủ các nguồn tài trợ, các tổ chức cá nhân tu sửa cơ sở vật chất ở trung tâm và các điểm trường	Cán bộ quản lý.	Kế hoạch xã hội hóa giáo dục, kế hoạch tu sửa cơ sở vật chất	Năm học 2025 - 2026 và các năm học tiếp theo	60.000.000 đồng
Làm tốt công tác tham mưu với cấp trên bổ sung trang thiết bị cần thiết cho các khối phòng phục vụ học tập của nhà trường.	Cán bộ quản lý.	Tờ trình.	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	100.000.000 đồng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1

- a) Có các loại phòng theo quy định;
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;
- b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có đủ các phòng theo quy định tại thông tư số 13/2020/TT-BGD-ĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất

các trường mầm non gồm có: Văn phòng trường, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng dành cho nhân viên, nhà kho, phòng bảo vệ, phòng họp, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, có khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên hợp lý đảm bảo an toàn [3.1-03].

Văn phòng trường có đầy đủ bàn ghế họp, các bảng biểu, trang thiết bị cho cán bộ, giáo viên, nhân viên họp và tổ chức các hoạt động khác; 1 phòng hiệu trưởng, 2 phòng phó hiệu trưởng có tủ, bàn làm việc, máy tính, bàn ghế tiếp khách và các phương tiện làm việc; 01 phòng y tế có giường bệnh, tủ thuốc, các trang thiết bị y tế và đồ dùng theo dõi sức khỏe cho trẻ, biểu bảng thông báo các biện pháp tích cực can thiệp chữa bệnh và chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng, trẻ béo phì, bảng kế hoạch theo dõi tiêm phòng và khám sức khỏe định kỳ cho trẻ, tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh cho trẻ; 01 phòng hành chính quản trị có máy tính, bàn làm việc và các thiết bị làm việc; 03 phòng bảo vệ tại trung tâm và các điểm trường có bàn ghế, đồng hồ, sổ theo dõi khách, đồ dùng, thiết bị đảm bảo theo quy định; 01 phòng họp có đầy đủ các thiết bị, sử dụng làm nơi sinh hoạt chung và làm việc chuyên môn cho giáo viên; 03 nhà kho để dụng cụ chung và học phẩm của trường; 01 phòng dành cho nhân viên có đồ dùng, thiết bị đảm bảo yêu cầu [H1-1.6-04]; [3.1-03].

Trung tâm và các điểm trường có khu để xe dành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, được bố trí, sắp xếp hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự [3.1-03].

Mức 2

Văn phòng trường có diện tích 60m², phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị có diện tích 18m²/phòng; phòng y tế 15m², phòng họp 30m², phòng bảo vệ 10m²/phòng, phòng dành cho nhân viên có diện tích 18m², nhà kho 60m² các phòng đủ diện tích đảm bảo theo quy định Điều lệ trường mầm non [3.1-03]; [H3-3.1-04].

Khu để xe dành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn tiện lợi, được bố trí hợp lý đảm bảo đủ cho xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [3.1-03].

Mức 3

Diện tích các phòng hành chính - quản trị của nhà trường đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non: Phòng hiệu trưởng 18m², phó hiệu trưởng 18m², văn phòng trường 60m², phòng họp 30m² được đặt ở vị trí thuận tiện cho công tác quản lý và được bố trí độc lập; phòng bảo vệ 10m²/phòng có vị trí quan sát thuận lợi; phòng y tế 15m² có vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu; phòng hành chính - quản trị 18m²; phòng dành cho nhân viên 18m² các phòng được đặt ở vị trí thuận tiện cho công tác quản lý, sử dụng; nhà kho có diện tích 60m², khu vệ sinh dành cho cán bộ giáo viên, nhân viên 61m² được bố trí thuận tiện cho việc sử dụng [3.1-03]; [H3-3.1-04].

2. Điểm mạnh

Số lượng, diện tích các phòng hành chính - quản trị của nhà trường đảm bảo đủ theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non: Văn phòng đủ đồ dùng và thiết bị phục vụ cho các hoạt động; phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng được đặt ở vị trí thuận tiện cho công tác quản lý; phòng bảo vệ có vị trí quan sát thuận lợi; phòng y tế có vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu; phòng dành cho nhân viên có diện tích và đồ dùng đảm bảo, khu vệ sinh giành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí thuận tiện; phòng hành chính - quản trị có bàn ghế, máy tính, tủ; có phòng họp được bố trí vị trí thuận tiện, có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ trong nhà trường. Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại trung tâm và điểm trường được bố trí hợp lý, có mái che đảm bảo an toàn.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục phát huy những điểm mạnh, xây dựng kế hoạch và đề ra những giải pháp cụ thể để nâng cấp tu sửa các hạng mục công trình và sử dụng có hiệu quả thiết bị các khối phòng hành chính - quản trị nhằm nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	Kế hoạch tu sửa cơ sở vật chất hàng năm.	Năm 2025-2026 và các năm tiếp theo	40.000.000 đồng
Tham mưu với Ủy ban nhân dân xã Thanh An tu sửa, nâng cấp dãy nhà hành chính quản trị tại điểm trường trung tâm.	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.	Tờ trình.	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo.	300.000.000 đồng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

a, Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;

b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;

c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường Mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường Mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có 02 bếp ăn được xây dựng kiên cố, gồm có: khu sơ chế, khu chế biến thực phẩm, khu nấu ăn, khu chia ăn được thiết kế và tổ chức theo quy trình hoạt động của bếp một chiều [3.1-02];[3.1-03].

Kho thực phẩm của nhà trường được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập, có thiết bị bảo quản thực phẩm, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm [3.1-02]; [3.1-03]; [H1-1.10-10].

Có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn hàng ngày, thực hiện lưu mẫu đúng quy định được bảo quản sau 24 giờ, tủ lạnh được kiểm tra vệ sinh sạch sẽ thường xuyên [3.1-02]; [3.1-03].

Mức 2

Nhà trường có bếp ăn đảm bảo quy định theo thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non với tổng diện tích 120m², bình quân trên trẻ là 0,38m²/trẻ. Có khu sơ chế, khu chế biến thực phẩm, khu nấu ăn, khu chia ăn được thiết kế và tổ chức theo quy trình hoạt động của bếp một chiều. Có đủ đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú tại trường như: Bếp ga, nồi nấu bằng ga, nồi cơm điện, bát, thìa inox, đĩa, chạn đựng đồ dùng, dụng cụ chia ăn và chế biến thực phẩm đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Có 01 nhà ăn cho trẻ tại điểm trường Thôn 10 – Yên Cang trang bị đầy đủ đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn bán trú. Có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn hàng ngày, có nguồn nước sạch đảm bảo cho sinh hoạt hằng ngày, chất lượng nước được cơ quan y tế kiểm định. Nhà bếp có đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy, rác thải được phân loại và xử lý thu gom đến nơi tập trung theo quy định và đảm bảo hợp vệ sinh [H1-1.6-04]; [3.1-03]; [H3-3.1-04].

Mức 3

Bếp ăn được xây dựng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non độc lập với khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và sân chơi. Bếp ăn hoạt động theo đúng quy trình bếp một chiều, hợp vệ sinh với tổng diện tích 120m², bình quân là 0,38 m²/trẻ, thông thoáng, đủ ánh sáng; tường trần nhà và sàn nhà bằng phẳng, không có khe rãnh, thuận tiện cho việc vệ sinh, có đủ các phương tiện phục vụ cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Dụng cụ chứa thức ăn và sử dụng để ăn, uống được làm bằng nhôm, inox dễ làm vệ sinh, không ô nhiễm, không có yếu tố độc hại. Có phương tiện bảo quản thực phẩm, hệ thống cung cấp nước sạch và chỗ rửa tay sát khuẩn. Phương tiện phân loại, thu gom, vận chuyển rác, thực phẩm, thức ăn thừa; thùng đựng rác được làm bằng vật liệu chắc

chăn có nắp đậy và thuận tiện cho việc làm vệ sinh [H1-1.6-04]; [3.1-02]; [3.1-03];[H3-3.1-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 02 bếp ăn được xây dựng kiên cố và hoạt động theo quy trình một chiều. Bếp ăn có đủ diện tích theo quy định, thông thoáng, đủ ánh sáng, có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn, đủ dụng cụ, đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại trường. Khu sơ chế và chế biến thực phẩm thông thoáng, ngăn cách với khu nấu ăn và khu chia thức ăn. Kho bếp có khu lương thực và khu thực phẩm, lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm, có thiết bị bảo quản thực phẩm, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Nhà trường có 01 nhà ăn tại điểm trường Thôn 10– Yên Cang đầy đủ đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú. Có nguồn nước sạch đảm bảo cho sinh hoạt, rác thải được phân loại và xử lý thu gom đến nơi tập trung theo quy định và đảm bảo hợp vệ sinh.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Thường xuyên kiểm tra, rà soát đồ dùng, trang thiết bị khối phòng tổ chức ăn để có biện pháp tu sửa, bổ sung đồ dùng, dụng cụ.	Cán bộ quản lý.	Kế hoạch kiểm tra nội bộ	Năm học 2025 - 2026 và các năm học tiếp theo.	Không
Xây dựng kế hoạch mua sắm, bổ sung thêm đồ dùng dụng cụ nhà bếp đảm bảo mục đích sử dụng trong công tác cho trẻ ăn bán trú tại trường mầm non đạt hiệu quả cao.	Cán bộ quản lý.	Tờ trình; đề nghị mua sắm trang thiết bị nhà bếp.	Năm học 2025 - 2026 và các năm học tiếp theo.	20.000.000 đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

- a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;
- b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;
- c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1**

Nhà trường có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ công tác chăm sóc, giáo dục trẻ em theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [3.1-03]; [H3-3.5-01]

Nhà trường chỉ đạo các nhóm, lớp tự làm bổ sung đồ dùng, đồ chơi để phục vụ học tập và vui chơi cho trẻ. Các đồ dùng, đồ chơi tự làm, đồ dùng đồ chơi ngoài danh mục quy định do nhà trường vận động ủng hộ, xã hội hóa phải bảo đảm tính giáo dục, bền đẹp, an toàn, kích thích phù hợp với trẻ [H3-3.1-05]; [H3-3.5-01].

Hằng năm các thiết bị của nhà trường được kiểm kê, định kỳ vào đầu năm và cuối năm học, nhà trường thường xuyên xây dựng kế hoạch kiểm tra các thiết bị đồ dùng để sửa chữa, bổ sung nâng cấp đáp ứng với nhu cầu tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ có hiệu quả tại các điểm trường, nhóm, lớp [H1-1.6-04]; [H3-3.5-02].

Mức 2

100% máy tính trong nhà trường được kết nối Internet, Wifi phục vụ công tác quản lý, hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ [H3-3.5-03].

Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. 12/12 nhóm, lớp đủ đồ dùng, thiết bị dạy học. Tính đến thời điểm đánh giá, số bộ thiết bị là 12 bộ/12 nhóm, lớp. Trong đó, mẫu giáo 3-4 tuổi: 2 bộ, mẫu giáo 4-5 tuổi: 2 bộ, mẫu giáo 5-6 tuổi: 4 bộ, nhóm trẻ: 4 bộ [H1-1.6-04]; [H3-3.5-01].

Hằng năm nhà trường được phòng Giáo dục và Đào tạo cấp bổ sung các thiết bị dạy học ngoài danh mục tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non. Chỉ đạo các nhóm, lớp làm đồ dùng, đồ chơi đảm bảo tính giáo dục, an toàn, bền đẹp phục vụ cho các hoạt động giáo dục [H1-1.6-04]; [H3-3.1-05]; [H3-3.5-01].

Mức 3

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tại các điểm trường, các nhóm, lớp được giáo viên sử dụng và bảo quản tốt. Thiết bị đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục, được khai thác và đưa vào sử dụng thường xuyên có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ [H3-3.5-06]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho các điểm trường, nhóm, lớp theo quy định. Hằng năm nhà trường luôn có phong trào làm bổ sung đồ dùng, đồ chơi để phục vụ học tập và vui chơi cho trẻ. Các đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục quy định bảo đảm tính giáo dục, bền đẹp, an toàn, kích thích phù hợp với trẻ được giáo viên bảo quản tốt và khai thác sử dụng có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; máy tính được kết nối Internet, Wifi phục vụ cho hoạt động quản lý và các hoạt động giáo dục. Hằng năm nhà trường có tiến hành kiểm kê và bàn giao tài sản, cơ sở vật chất và có hồ sơ theo dõi thiết bị giáo dục, đồ dùng, thiết bị dạy học.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Thường xuyên kiểm tra, rà soát tài sản, đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị để có kế hoạch tu sửa, bổ sung và nâng cấp.	Cán bộ quản lý, giáo viên.	Biên bản kiểm kê, bàn giao.	Đầu năm, cuối năm học các năm.	Không
Tham mưu với Ủy ban nhân dân xã bổ sung thêm đồ dùng đồ chơi cho trung tâm và các điểm trường.	Cán bộ quản lý.	Tờ trình	Năm 2025-2026 và trong các năm học tiếp theo.	Không
Huy động phụ huynh đóng góp nguyên vật liệu phế thải cùng chung tay với giáo viên làm nhiều đồ dùng đồ chơi sáng tạo đưa vào hoạt động phong phú.	Giáo viên, cha mẹ học sinh.	Kế hoạch làm đồ dùng, đồ chơi tự tạo	Năm 2025-2026 và trong các năm học tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Trung tâm và các điểm trường có 13 phòng vệ sinh của trẻ, 06 nhà vệ sinh cho cán bộ giáo viên, nhân viên được phân thành khu vệ sinh nam, nữ riêng biệt, sử dụng thuận tiện, không ô nhiễm môi trường và thuận lợi cho trẻ khuyết tật sử dụng [3.1-03].

Nhà trường có hệ thống thoát nước đảm bảo các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước, có hệ thống thoát nước kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải đảm bảo chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường; có máy lọc nước, nước máy sạch sẽ đảm bảo đủ nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ [3.1-03]; [H1-1.6-04].

Nhà trường có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải hàng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường. Có đủ số lượng thùng đựng có nắp đậy để đựng rác và phân loại rác tạm thời, thuận tiện cho công tác làm vệ sinh và khử trùng. Rác thải được thu gom hằng ngày và xử lý bằng cách vận chuyển tới nơi xử lý tập trung, không để rác thải, nước thải tồn đọng, bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường [H1-1.3-10];[3.1-03].

Mức 2

Các phòng vệ sinh của trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tại trung tâm và các điểm trường được xây dựng đúng quy định. Có 13 phòng vệ sinh của trẻ diện tích 124m^2 bình quân $0,4\text{m}^2/\text{trẻ}$ đảm bảo theo quy định, có vách ngăn giữa khu vệ sinh cho nam và nữ, có tiểu treo dùng cho trẻ em trai và xí bệt dùng cho trẻ em gái. Khu vực rửa tay của trẻ được bố trí riêng, đảm bảo 08 trẻ/chậu rửa, các thiết bị được lắp đặt phù hợp với độ tuổi, thuận tiện cho việc sử dụng, dễ quan sát trẻ và thuận lợi cho trẻ khuyết tật sử dụng. Phòng vệ sinh của trẻ ở điểm trường Long Quân được xây dựng kiên cố, khép kín với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, có phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, có vách

ngăn cao 1,2m để ngăn cách giữa khu vệ sinh cho nam và nữ, có 06 xí bệt cho bé gái, 06 xí bệt cho trẻ trai và 06 tiểu treo dùng cho trẻ em trai. Các thiết bị được lắp đặt phù hợp với độ tuổi, thuận tiện cho việc sử dụng, dễ quan sát trẻ [3.1-02]; [3.1-03]; [H3-3.1-04].

Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch từ nước máy, nước lọc. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý rác thải đảm bảo theo quy định khoản 3, Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTNT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ y tế như: có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường, lớp. Có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, khu vệ sinh, có thùng đựng và phân loại rác, tự thu gom rác thải vận chuyển đến nơi tập chung, các điểm trường xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh phòng bệnh [3.1-03]; [H1-1.6-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các phòng vệ sinh của trẻ liền kề và các khu vệ sinh hợp lý cho trẻ, riêng điểm trường Long Quân có phòng vệ sinh khép kín, thuận tiện cho trẻ sử dụng. Khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tại trung tâm và điểm trường được xây dựng đảm bảo diện tích theo quy định, được phân thành phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, sử dụng thuận tiện, không ô nhiễm môi trường. Có hệ thống thoát nước được lắp đặt đảm bảo vệ sinh môi trường, có nguồn nước sạch đảm bảo đủ nước uống và nước sinh hoạt cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ. Có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải hàng ngày, không để rác thải, nước thải tồn đọng gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo vệ sinh, đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên thiết bị nhà vệ sinh, hệ thống cấp nước.	Cán bộ quản lý, giáo viên.	Kế hoạch tu sửa cơ sở vật chất.	Trong năm học 2025 - 2026.	2.000.000 đồng
Tiếp tục duy trì tốt công tác vệ sinh môi trường, thu gom xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh không gây ô nhiễm môi trường. Sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đảm bảo theo quy định.	Cán bộ quản lý, giáo viên.	Kế hoạch vệ sinh trường, lớp	Trong năm học 2025-2026.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Cơ sở vật chất nhà trường được xây dựng kiên cố, bán kiên cố diện tích khuôn viên, các công trình, diện tích bình quân trên trẻ, diện tích sân vườn, diện tích sân chơi đảm bảo, được quy hoạch, thiết kế phù hợp giúp trẻ khám phá, học tập. Các nhóm/lớp học và các khối phòng hành chính quản trị bảo đảm đủ diện tích và được bố trí sắp xếp phù hợp, khoa học, có đầy đủ đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị đảm bảo theo quy định. Bếp ăn được xây dựng theo quy trình một chiều với đầy đủ các đồ dùng nhà bếp, có kho lưu trữ thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn hàng ngày và đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm. Khu vệ sinh cho giáo viên, trẻ được xây dựng liền kề đảm bảo diện tích, đủ các thiết bị, phương tiện vệ sinh, thuận tiện cho việc sử dụng. Nhà trường có nguồn nước sạch đảm bảo vệ sinh, hệ thống thu gom, xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng bệnh. Hằng năm nhà trường đều kiểm kê, bảo quản và sử dụng có hiệu quả các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi. Có kế hoạch tu sửa và bổ sung các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi kịp thời đảm bảo hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 6/6 tiêu chí

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/6 tiêu chí

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

Thực hiện chủ trương: “Sự nghiệp giáo dục là trách nhiệm của toàn xã hội”, nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường - gia đình - xã hội từng bước tranh thủ được sự quan tâm chăm lo cho sự nghiệp giáo dục của cộng đồng và toàn xã hội.

Hằng năm nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, các lớp có Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp được hoạt động theo đúng quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Nhà trường có nhiều biện pháp và hình thức phong phú để tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ trẻ chăm sóc, giáo dục trẻ khi ở nhà; chỉ đạo giáo viên thường xuyên trao đổi với phụ huynh trẻ về tình hình ăn, ngủ, chơi, học cũng như các hoạt động khác của trẻ ở lớp.

Nhà trường chủ động trong công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân ở địa phương nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng cơ sở vật chất, cảnh quan trường lớp xanh - sạch - đẹp và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn tuyệt đối cho trẻ góp phần nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Hàng năm nhà trường đều có Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục, gồm: 01 trưởng ban, 02 phó ban, và các ủy viên, 12/12 nhóm/lớp đều có Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhóm, lớp [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, lớp có kế hoạch hoạt động và tổ chức thực hiện theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban đại diện cha mẹ học sinh theo năm học [H4-4.1-03].

Hàng năm Ban đại diện cha mẹ học sinh triển khai, tổ chức thực hiện các nội dung hoạt động theo kế hoạch. Các nội dung đã được thảo luận, thống nhất trong các cuộc họp của Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, lớp có hiệu quả cao [H4-4.1-03]; [H4-4.1-02].

Mức 2

Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường và của các nhóm/lớp phối hợp tích cực, có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục học sinh như: Tham gia cùng cô và trẻ trong các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, hoạt động tham quan, trải nghiệm các di tích lịch sử của địa phương, tổ chức các ngày lễ trong năm như tổ chức trung thu cho trẻ, trải nghiệm kỹ năng, tổ chức Bé vui hội xuân “Trải nghiệm gói Bánh Chung Xanh”, “Trải nghiệm bản sắc văn hóa dân tộc Thái quê em”. Phối hợp với nhà trường hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh như: Hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù miễn giảm học phí, chính sách trẻ hộ nghèo, cận nghèo [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04].

Mức 3

Trong các năm học từ 2021 - 2022 đến năm học 2025 - 2026, Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định, huy động các nguồn lực hỗ trợ nhà trường về tài chính, ngày công lao động, nguyên vật liệu để tu sửa cơ sở vật chất, tôn tạo cảnh quan môi trường góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.3-10]; [3.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhóm, lớp. Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và

hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Ban đại diện cha mẹ học sinh có kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm học và tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra. Phối kết hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ và hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; tuyên truyền, hướng dẫn, chủ trương chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh. Phối hợp với nhà trường trong việc tôn tạo, tu sửa cảnh quan môi trường có hiệu quả với tổng số ngày công là 3.986 công (5năm), tổng số tiền kêu gọi vận động tài trợ là 460.650.000đ trong công tác xã hội hóa giáo dục góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Đầu năm học họp toàn thể cha mẹ trẻ của lớp, của trường để kiện toàn Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Cán bộ quản lý, giáo viên, Cha mẹ trẻ các lớp.	Quy chế hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Trong các năm học 2025 - 2026 và các năm học tiếp theo.	Không
Thảo luận và xây dựng quy chế, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Trong các năm học 2025 - 2026 và các năm học tiếp theo.	Không
Tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động cha mẹ học sinh tham gia vào các hoạt động của nhà trường, hỗ trợ kinh phí hoạt động và làm tốt những mục tiêu mà ban đại diện đề ra.	Ban giám hiệu, Giáo viên	Kế hoạch tuyên truyền phối hợp với cha mẹ học sinh	Trong năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường:

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường

b) *Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường*

c) *Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

Mức 2:

a) *Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

b) *Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.*

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường chủ động, làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch giáo dục, giải pháp cụ thể trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học để phát triển nhà trường như: xây dựng mạng lưới quy mô trường, lớp, cơ sở vật chất, huy động trẻ trong độ tuổi đến trường, công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, kế hoạch duy trì phổ cập giáo dục xóa mù chữ, các khoản thu chi năm học; [H4-4.2-02].

Hằng năm nhà trường tích cực tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của phụ huynh về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành, về các mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường trong năm học dưới nhiều hình thức như: qua các buổi họp phụ huynh, tuyên truyền qua loa phóng thanh của thôn/đội bản, trao đổi với phụ huynh thông qua giờ đón, trả trẻ hàng ngày [H1-1.3-10].

Nhà trường tích cực tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục, huy động và sử dụng nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân để tu sửa cơ sở vật chất, xây dựng cảnh quan môi trường: Tổng số tiền 5 năm huy động là 460.650.000đ, cụ thể: Năm học 2021 – 2022 huy động được 135.000đ; Năm học 2022 – 2023 vận động tài trợ được 111.300.000đ; Năm học 2023 – 2024 vận động tài trợ được 94.200.000đ. Năm học 2024 – 2025 huy động được 235.000đ. Năm học 2025 – 2026 đến tháng 10 tại thời điểm đánh giá huy động được 96.000đ. Trong các năm từ 2021 - 2025, nhà trường đã vận động công lao động phụ huynh tu sửa cơ sở vật chất là 3.635 công. Nhà trường đã vận động tài trợ từ cán bộ, giáo viên, phụ huynh, nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân để tu sửa cơ sở vật chất [H4-4.2-01]; [H1-1.6-10]; [H4-4.2-04].

Mức 2

Trong các năm qua nhà trường đã tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện từng bước thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp, xây dựng cảnh quan môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm; đề án tăng cường tiếng Việt; hoạt động trải nghiệm; tu sửa cơ sở vật chất nhà trường; tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ như: hỗ trợ chi phí học tập, chế độ trẻ hộ nghèo, cận nghèo [H1-1.3-10]; [H4-4.2-01]; [H4-4.2-02].

Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân tổ chức các hoạt động thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ do ngành và địa phương tổ chức. Phối kết hợp tốt với các tổ chức trong nhà trường như: Đoàn thanh niên, Nữ công, công đoàn để tổ chức các đợt giao lưu văn nghệ như: ngày 20/10, 20/11, 8/3, ngày hội đến trường của bé, hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, hoạt động tham quan, trải nghiệm các di tích lịch sử của địa phương, tổ chức các ngày lễ trong năm như tổ chức trung thu cho trẻ, trải nghiệm kỹ năng, Tổ chức Bé vui hội xuân “Trải nghiệm gói Bánh Chung Xanh”, “Trải nghiệm Bản sắc văn hóa dân tộc Thái quê em”, các hoạt động lễ hội, phù hợp với truyền thống địa phương [3.1-02].

Mức 3

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp cùng nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Nhà trường được Ủy Ban nhân dân huyện Điện Biên công nhận đơn vị đạt chuẩn văn hóa trong các năm 2021, 2022, 2023, 2024 [H4-4.2-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện tốt và hiệu quả công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển theo năm học, giai đoạn nhằm nâng cao các điều kiện về cơ sở vật chất trường lớp đáp ứng với yêu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ. Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Ngành giáo dục, huy động các nguồn lực để xây dựng cảnh quan trường lớp sạch đẹp, an toàn cho trẻ hoạt động. Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện: Bé vui hội xuân “Trải nghiệm gói Bánh Chung Xanh”, “Trải nghiệm bản sắc văn hoá dân tộc thái quê em” theo kế hoạch và đã thu hút được các cấp ủy Đảng chính quyền địa phương, Phụ huynh, các cơ quan đơn vị đóng chân trên địa bàn cùng tham gia, phù hợp với truyền thống của địa phương. Nhiều năm qua nhà trường đạt danh hiệu đơn vị văn hóa cấp huyện.

- Tổng kinh phí của các tổ chức cá nhân: 460.650.000đ

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tham mưu với cấp ủy Đảng chính quyền và các tổ chức đoàn thể của địa phương để được hỗ trợ nguồn kinh phí đầu tư cho những hoạt động giáo dục hằng năm của nhà trường.	Cán bộ quản lý.	Các kế hoạch, tờ trình tham mưu với địa phương, các đoàn thể.	Trong các năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Không
Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục.	Cán bộ quản lý.	Tổ chức hội nghị, các bài tuyên truyền.	Trong các năm học 2025 - 2026 và các năm học tiếp theo.	Không
Phối kết hợp hài hòa với các hình thức tổ chức giữa các đoàn thể địa phương với các hoạt động của nhà trường và có thêm nhiều hình thức phối hợp, giao lưu, tổ chức các hội thi gắn với nhiệm vụ năm học.	Cán bộ quản lý, Giáo viên	Kế hoạch tuyên truyền với các ban ngành đoàn thể.	Trong các năm học 2025 - 2026 và các năm học tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Hằng năm nhà trường thành lập Ban đại diện học sinh theo đúng cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động tuân thủ theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với nhà trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Chủ động phối kết hợp với nhà trường trong việc tuyên truyền phổ biến Pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục thông qua các cuộc họp và nhiều hình thức tổ chức các hoạt động khác nhau để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ như: Bé vui hội xuân “Xuân yêu thương”, “Trải nghiệm bản sắc văn hoá dân tộc thái quê em” theo kế hoạch và đã thu hút được các cấp ủy Đảng chính quyền địa phương, Phụ huynh, các cơ quan đơn vị đóng chân trên địa bàn cùng tham gia, phù hợp với truyền thống của địa phương. Nhiều năm qua nhà trường đạt danh hiệu đơn vị văn hóa cấp huyện. Nhà trường tham mưu tới các cấp ủy Đảng chính quyền địa phương và phối kết hợp với các đơn vị đóng chân

trên địa bàn, các phụ huynh huy động ngày công tu sửa cơ sở vật chất, xây dựng cảnh quan môi trường đến thời điểm đánh giá với tổng số ngày công là 3.986 công, và tổng số tiền kêu gọi vận động tài trợ là 460.650.000đ trong công tác xã hội hóa giáo dục góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn của trường kiểm định chất lượng, đồng thời phối kết hợp trong việc tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương một cách hiệu quả. Hàng năm nhà trường thực hiện kế hoạch vận động theo đúng tiến độ, có hiệu quả cuối năm đều có biên bản họp công khai với Ban đại diện cha mẹ học sinh.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 2

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu

Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ vừa là mục tiêu, nhiệm vụ, vừa là giải pháp quan trọng trong suốt những năm học vừa qua. Để chất lượng giáo dục ngày một nâng cao, nhà trường luôn chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc Chương trình giáo dục mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời thực hiện phát triển chương trình đảm bảo phù hợp với quy định chuyên môn và văn hóa địa phương, phù hợp với khả năng của trẻ, với thực tế của trường; định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp. Quan tâm xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tạo cơ hội cho trẻ được học tập, vui chơi, trải nghiệm. Tổ chức các hoạt động giáo dục đa dạng về hình thức, linh hoạt về phương pháp dạy học, phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, với trẻ và điều kiện nhà trường, địa phương nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo giúp trẻ phát triển toàn diện về Đức - Trí - Thể - Mỹ.

Nhà trường làm tốt công tác phối kết hợp với cơ sở y tế của địa phương thực hiện nghiêm túc việc cân đo khám sức khỏe định kỳ theo đúng quy định, phát hiện những trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi, để có hướng phục hồi phòng chống kịp thời suy dinh dưỡng, thấp còi cho trẻ, kết quả tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi ngày một giảm. Hằng năm nhà trường chỉ đạo giáo viên thực hiện tốt công tác duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ trẻ chuyên cần, đặc biệt là trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 98% trở lên. Hằng năm 100% số trẻ 5 tuổi được đánh giá và công nhận hoàn thành chương trình giáo dục mầm non.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

a) *Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch*

b) *Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường*

c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời phù hợp.

Mức 2:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của địa phương

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Căn cứ Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT, ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi Chương trình giáo dục mầm non, cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán đã xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với bối cảnh của địa phương. Sau khi hội đồng thẩm định nhất trí chương trình giáo dục được nhà trường công khai trên gmail của trường. Trên cơ sở đó các giáo viên xây dựng kế hoạch Chương trình giáo dục của các lớp theo năm học, tháng chủ đề, tuần, ngày và tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non theo kế hoạch [H1-1.6-02].

Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành được nhà trường phát triển thực hiện phù hợp với quy định chuyên môn, lựa chọn mục tiêu, nội dung giáo dục cho năm học, từng chủ đề phù hợp với thực tế nhóm, lớp của nhà trường, khả năng nhận thức của học sinh và triển khai thực hiện có hiệu quả đảm bảo mục tiêu giáo dục cuối độ tuổi [H1-1.6-02].

Nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non thông qua hội đồng thẩm định chương trình vào các thời điểm đầu năm, giữa năm, cuối năm, đánh giá trẻ hàng ngày, chủ đề, tròn tháng, cuối mỗi độ tuổi, từ đó có những điều chỉnh, bổ sung kịp thời phù hợp với trẻ. [H1-1.6-02]; [H1-1.2-09] [H5-5.1-01].

Mức 2

Nhà trường đã xây dựng và phát triển chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình địa phương và khả năng nhận thức của trẻ. Triển khai kế hoạch giáo dục năm học, kế hoạch chủ đề và kế hoạch tuần, ngày hiệu quả [H1-1.6-02].

Nhà trường phát triển Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, lựa chọn các mục tiêu, nội dung, xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch chủ đề phù hợp với bối cảnh văn hóa của địa phương, điều kiện của nhóm lớp phù hợp quy định về chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo, phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên, điều kiện của nhà trường đáp ứng khả năng và nhu cầu nhận thức của trẻ theo từng độ tuổi. Tổ chức thực hiện có hiệu quả, đảm bảo chất lượng, mục tiêu cần đạt cuối độ của trẻ [H1-1.2-9]; [H1-1.6-02].

Mức 3

Nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định. Tích hợp nội dung giáo dục theo hướng steam, đưa công nghệ số vào chương trình cho trẻ làm quen hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương [H1-1.6-02]

Hàng năm có tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.2-09]; [H5-5.1-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non theo kế hoạch do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp theo quy định về chuyên môn của các cơ quan quản lý giáo dục cấp trên, phù hợp với thực tế của nhà trường; định kỳ rà soát, đánh giá và điều chỉnh, bổ sung kịp thời phù hợp với bối cảnh văn hóa địa phương, đáp ứng nhu cầu và khả năng, hứng thú của trẻ. Hàng năm nhà trường tổng kết đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non, đánh giá chất lượng chuyên môn của giáo viên, chất lượng trẻ từ đó kịp thời điều chỉnh, cải tiến các nội dung phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tham mưu làm tốt công tác xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non. Chỉ đạo, tư vấn, kiểm tra, rà soát hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch lựa chọn các nội dung giáo dục phù hợp với	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên cốt cán.	Chương trình giáo dục mầm non; Bồi dưỡng chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên.	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo.	Không

đối tượng trẻ và điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp.				
Tiếp tục phát triển chương trình giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế địa phương.	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên cốt cán.	Bồi dưỡng chuyên môn Cán bộ quản lý, giáo viên theo Chương trình giáo dục của Bộ giáo dục và đào tạo, của nhà trường.	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường.

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm.

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm: "chơi mà học, học bằng chơi".

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường chỉ đạo giáo viên sử dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức giáo dục trong tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với độ tuổi, nhu cầu phát triển của trẻ mầm non và điều kiện nhà trường [H1-1.6-02].

Nhà trường xây dựng trường mầm non theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tích cực tôn tạo cảnh quan môi trường ở trung tâm và các điểm trường tạo sự đa dạng các khu vực cho trẻ tham gia các hoạt động trải nghiệm, vui chơi

học tập như: Khu thư viện xanh; khu trải nghiệm với thiên nhiên; khu trải nghiệm bán hàng “Tiệm trà chanh”; Khu trải nghiệm “Bản sắc văn hóa dân tộc Thái quê em”; khu phát triển vận động, vườn cây của bé, tạo điều kiện tốt nhất để mọi trẻ đều có cơ hội vui chơi, khám phá, trải nghiệm, sáng tạo [3.1-02].

Giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của nhóm, lớp như: Hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động học, hoạt động chơi, lao động tự phục vụ, tham quan di tích lịch sử [H1-1.6-02]; [3.1-02].

Mức 2

Nhà trường có kế hoạch tổ chức cho trẻ được thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh ở mọi lúc mọi nơi, mang tính thiết thực, phù hợp với nhu cầu, khả năng, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường như: Tổ chức cho trẻ khám phá, xem sách truyện ở góc thư viện của bé, trẻ chơi trải nghiệm với thiên nhiên, trải nghiệm các bản sắc văn hóa của dân tộc mình ở các khu trải nghiệm, chơi các trò chơi vận động ở khu phát triển vận động, thực hành chăm sóc vườn rau, vườn hoa... Tổ chức cho trẻ mẫu giáo đi tham quan các di tích lịch sử như đồi A1, bảo tàng chiến thắng Điện Biên Phủ, tượng đài chiến thắng ..., các hoạt động trải nghiệm rèn kỹ năng sống cho trẻ [3.1-02]; [H1-1.6-02].

Mức 3

Hàng năm nhà trường chỉ đạo giáo viên xây dựng, tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích sự hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia vào hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi” như: Xây dựng khu thư viện xanh của Bé, khu trải nghiệm với thiên nhiên, khu trải nghiệm bản sắc văn hóa dân tộc Thái quê em, khu phát triển vận động, chăm sóc vườn rau, vườn hoa, quan sát sự nảy mầm của cây từ hạt, chơi trò chơi. Tổ chức cho trẻ mẫu giáo đi tham quan các di tích lịch sử, các hoạt động trải nghiệm rèn kỹ năng sống [3.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện linh hoạt các phương pháp tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ và đảm bảo phù hợp với các mục tiêu, nội dung giáo dục nhà trường. Tích cực tôn tạo cảnh quan môi trường, xây dựng đa dạng các khu vực cho trẻ trải nghiệm, vui chơi học tập phù hợp với điều kiện thực tế tạo sự đa dạng phong phú ở các khu vực chơi cho trẻ, tận dụng, sử dụng các nguyên vật liệu mở phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động học tập. Xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học đảm bảo theo chuyên đề giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn cho Cán bộ quản lý, giáo viên để nâng cao việc vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ theo hướng thực hành, trải nghiệm.	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên cốt cán.	Điều kiện thực tế của nhà trường, kế hoạch giáo dục của nhà trường, của trẻ.	Trong năm học 2025 - 2026 và các năm tiếp theo.	Không
Chỉ đạo giáo viên linh hoạt, sáng tạo trong công tác xây dựng, tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học, tạo điều kiện cho trẻ có cơ hội học tập vui chơi và trải nghiệm.	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên cốt cán.	Kế hoạch giáo dục nhà trường, nhóm, lớp.	Trong năm học 2025 - 2026 và các năm tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ.

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định.

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng các biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ.

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định.

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3: Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Hàng năm nhà trường làm tốt công tác phối hợp với trạm y tế xã Thanh An tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ như: Khám sức khỏe định kỳ, cho trẻ uống vitamin A, thuốc tẩy giun, cấp phát tờ rơi tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh theo mùa, đo thân nhiệt[H5- 5.3-01].

100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Kết quả theo dõi sự phát triển của trẻ tính đến thời điểm tháng 10 năm học 2025 - 2026: Cân nặng: Kênh bình thường: 246/265 trẻ đạt 93,2%; suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: 18/265 trẻ chiếm: 6,8%. Chiều cao: Kênh bình thường: 246/265 trẻ đạt 93,2%; suy dinh dưỡng thể thấp còi: 18/265 trẻ chiếm: 6,8%; Cân nặng theo chiều dài/chiều cao: kênh bình thường: 183/191 trẻ đạt 95,8%; suy dinh dưỡng thể gầy còm: 8/191 trẻ chiếm: 4,2% [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

Ngay từ đầu năm học nhà trường đã xây dựng kế hoạch y tế học đường, trong đó chú trọng đến kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng, và có biện pháp chăm sóc cho trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi ở các lớp. Chế độ ăn hàng ngày của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối 4 nhóm thực phẩm, tỷ lệ calo trẻ 18-24-36 tháng tuổi đạt từ 930 - 1000 Kcal; trẻ mẫu giáo đạt từ 615 - 726 Kcal, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định. Giáo viên quan tâm chăm sóc trẻ, động viên trẻ ăn hết xuất, chú ý tới trẻ mới ốm dậy. Tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học [H5-5.3-04].

Mức 2

Nhà trường chú trọng tới công tác tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ về cách chăm sóc trẻ khoa học tại gia đình, phát triển thể chất và tinh thần trẻ em, thực hiện nghiêm túc các văn bản của Bộ Y tế, của ngành về phòng chống dịch bệnh Covid-19, dịch bệnh khác thông qua các buổi họp phụ huynh, bảng tuyên truyền của trường, góc tuyên truyền của các lớp, trao đổi trực tiếp vào giờ đón và trả trẻ [3.1-02]. [H1-1.3-10].

Nhà trường tổ chức cho trẻ ăn bán trú tại trường gồm: Trẻ nhà trẻ ăn hai bữa chính và một bữa phụ, mẫu giáo một bữa ăn chính và một bữa phụ, đảm bảo năng lượng phân phối cho các bữa và tỉ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu. Thực đơn của trẻ được nhà trường xây dựng theo ngày, tuần và thay đổi phù hợp với từng mùa trong năm, đảm bảo chế độ dinh dưỡng của trẻ phù hợp với độ tuổi, được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN- BGDDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ GD&ĐT Thông tư ban hành chương trình giáo dục mầm non [H5.3-05]; [H5-5.3-06].

Nhà trường đảm bảo 100% trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi, được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, các lớp xây dựng kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng. Tính đến thời điểm đánh giá tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học 2025 - 2026: Suy dinh dưỡng thể nhẹ

cân giảm được 11 trẻ, tỷ lệ suy dinh dưỡng còn 3,5%. Thấp còi mức độ nhẹ giảm 11 trẻ, tỷ lệ thấp còi còn 3,8% [H5-5.3-04].

Mức 3

Hàng năm số trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường đạt từ 98% trở lên. Kết quả theo dõi sự phát triển của trẻ tính đến thời điểm tháng 10 năm học 2025 - 2026: Cân nặng: Kênh bình thường: 246/265 trẻ đạt 93,2%; suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: 18/265 trẻ chiếm: 6,8%. Chiều cao: Kênh bình thường: 246/265 trẻ đạt 93,2%; suy dinh dưỡng thể thấp còi: 18/265 trẻ chiếm: 6,8%; Cân nặng theo chiều dài/chiều cao: kênh bình thường: 183/191 trẻ đạt 95,8%; suy dinh dưỡng thể gầy còm: 8/191 trẻ chiếm: 4,2% [H5-5.3- 02]; [H5-5.3-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường làm tốt công tác phối hợp với trạm y tế xã Thanh An tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ. 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định, thực hiện nghiêm túc văn bản của Bộ Y tế, của ngành về phòng các dịch bệnh. Xây dựng chế độ dinh dưỡng của trẻ em phù hợp với độ tuổi, được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng. 100% trẻ suy dinh dưỡng được nhà trường quan tâm, can thiệp bằng những biện pháp phù hợp như: Thường xuyên thay đổi khẩu phần ăn cho trẻ, chế độ dinh dưỡng hợp lý với từng trẻ, có kế hoạch luyện tập phù hợp. Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có 96,5 % trẻ phát triển bình thường về chiều cao và cân nặng, tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học 2025 - 2026: Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm được 11 trẻ, tỷ lệ suy dinh dưỡng còn 3,5%. Thấp còi mức độ nhẹ giảm 11 trẻ, tỷ lệ thấp còi còn 3,8%.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục phối hợp với trạm y tế xã Thanh An khám sức khỏe định kỳ tổ chức tiêm phòng và uống vitamin A, tẩy giun cho trẻ mẫu giáo.	Ban giám hiệu, giáo viên, nhân viên y tế.	Quy chế phối hợp giữa nhà trường và trạm y tế xã Sam Mứn	Trong năm học 2025 - 2026 và các năm tiếp theo.	Không
Nhà trường kết hợp cùng với giáo viên trong việc chăm sóc cho trẻ và tuyên truyền tới cha mẹ trẻ về chế độ ăn và chăm sóc sức	Ban giám hiệu, giáo viên, nhân viên y tế.	Kế hoạch y tế nhà trường	Trong năm học 2025 - 2026 và các năm tiếp theo.	Không

khoẻ cho trẻ tại gia đình.				
Tuyên truyền phối kết hợp với cha mẹ trẻ để có biện pháp phục hồi dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng.	Ban giám hiệu, y tế, giáo viên, cha mẹ trẻ.	Kế hoạch y tế.	Trong năm học 2025 - 2026 và các năm tiếp theo.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền duy trì tỷ lệ chuyên cần của trẻ. Đặc biệt chú ý đến thời điểm nhiệt độ xuống thấp, trước và sau tết Nguyên đán. Tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ chuyên cần của trẻ dưới 5 tuổi là 246/265 trẻ đạt 93,2%, riêng trẻ mẫu giáo 5 tuổi là 71/74 trẻ đạt 95,9% [H1-1.5-02].

100% trẻ 5 tuổi trong nhà trường hằng năm đều hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có tổng số 74 trẻ 5 tuổi đang học chương trình giáo dục mầm non tại trường [H5-5.4-01].

Hằng năm nhà trường chỉ đạo các nhóm lớp quan tâm đến những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, xây dựng kế hoạch giáo dục có lồng ghép các nội dung chăm sóc, giáo dục phù hợp với thực tế của nhóm lớp, nhận thức và điều kiện hoàn cảnh gia đình trẻ [H1-1.6-02].

Mức 2

Giáo viên thực hiện tốt công tác tuyên truyền với phụ huynh đảm bảo trẻ đi học chuyên cần, tỷ lệ chuyên cần trẻ toàn trường tính đến tháng 10/2025 đạt tỷ lệ 93,7%; chuyên cần của trẻ dưới 5 tuổi đạt 93,2%, riêng trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 95,9% [H1-1.5-02].

Hằng năm 100% học sinh 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non. Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có tổng số 74 trẻ 5 tuổi đang học chương trình giáo dục mầm non tại trường [H5-5.4-01].

Trong 5 năm gần đây nhà trường có 02 trẻ khuyết tật.

Mức 3

Hằng năm 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non [H5-5.4-01].

Trong 5 năm gần đây nhà trường có 2 học sinh khuyết tật.

2. Điểm mạnh

Hằng năm nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền tới các bậc phụ huynh và cộng đồng huy động trẻ ra lớp, duy trì trẻ chuyên cần đạt tỷ lệ cao, tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ chuyên cần trẻ dưới 5 tuổi đạt 97%, riêng trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 98,4%. Hằng năm 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non. Nhà trường chỉ đạo các nhóm lớp quan tâm đến những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, xây dựng kế hoạch giáo dục có lồng ghép các nội dung chăm sóc, giáo dục phù hợp với thực tế của nhóm lớp, nhận thức và điều kiện hoàn cảnh gia đình trẻ.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Làm tốt công tác tuyên truyền duy trì tỷ lệ chuyên cần của trẻ ở các thời điểm trước và sau tết	Cán bộ quản lý, giáo viên, y tế.	Sổ theo dõi trẻ.	Trong năm học 2025-2026 và các năm	Không

nguyên nhân, khi nhiệt độ hạ xuống thấp, thời điểm xảy ra dịch bệnh Covid- 19 và các dịch bệnh khác			tiếp theo.	
Tiếp tục quan tâm đến những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, xây dựng kế hoạch giáo dục có lồng ghép các nội dung chăm sóc, giáo dục phù hợp với thực tế của nhóm lớp, nhận thức và điều kiện hoàn cảnh gia đình trẻ	Cán bộ quản lý, giáo viên.	Kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ các lớp.	Trong năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo.	Không

1. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giáo dục mầm non phát triển phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương. Hằng năm tổng kết đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, kịp thời điều chỉnh, cải tiến các nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Nhà trường chỉ đạo giáo viên các nhóm lớp xây dựng tổ chức các hoạt động giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non bằng nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, đối tượng trẻ, dựa trên điều kiện thực tế của nhà trường. Tổ chức hiệu quả môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm tạo điều kiện cho tất cả các trẻ được vui chơi, thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh ở mọi lúc mọi nơi phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non. Làm tốt công tác phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ. 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ, đo chiều cao, cân nặng. Thực hiện nghiêm túc công văn của Bộ y tế về phòng chống dịch bệnh Covid-19, các dịch bệnh khác, 100 % trẻ được theo dõi và đánh giá bằng biểu đồ tăng trưởng, tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ trẻ có chiều cao bình thường đạt 96,2%, cân nặng phát triển bình thường đạt 96,5%. Chế độ dinh dưỡng của trẻ được nhà trường xây dựng phù hợp với độ tuổi, đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng. 100% trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi được nhà trường quan tâm can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tính đến thời điểm đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học: Trẻ nhẹ cân giảm còn 3,5%, trẻ thấp còi giảm còn 3,8%. Trong các năm học nhà trường thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ trẻ chuyên cần. Tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ chuyên cần của trẻ dưới 5 tuổi đạt 92,6%, riêng trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 95,9%.

Việc xây dựng tổ chức môi trường giáo dục, hình thức giáo dục cho trẻ hoạt động của giáo viên linh hoạt, sáng tạo. Nội dung tư vấn cho cha mẹ trẻ, người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ đa dạng, phong phú.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 4

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Phần III

KẾT LUẬN CHUNG

Trường mầm non số 2 Thanh An đã có những bước phát triển nổi bật. Nhiều năm liền tập thể nhà trường đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc và được Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên tặng giấy khen và được công nhận danh hiệu đơn vị đạt chuẩn văn hóa. Các hoạt động của nhà trường đều phát triển, ổn định và bền vững, uy tín của nhà trường với ngành học, với các cấp lãnh đạo địa phương và các bậc phụ huynh ngày càng được nâng lên.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, dạy và học của nhà trường ngày càng được đầu tư, bổ sung thường xuyên, nhà trường có khuôn viên khang trang rộng rãi môi trường xanh - sạch - đẹp - an toàn và thân thiện.

Đội ngũ cán bộ giáo viên của trường có phẩm chất đạo đức và có năng lực chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình, có trách nhiệm trong công việc được giao, nhiều giáo viên có phương pháp giảng dạy tốt. 100% số cán bộ giáo viên nhà trường có trình độ chuẩn trở lên, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của đổi mới giáo dục. Thực hiện nghiêm túc nội dung Chương trình giáo dục mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phương pháp dạy học đã dần được đổi mới phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của trẻ.

Kết quả chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường trong nhiều năm qua đã đạt kết quả cao, trẻ đạt được mục tiêu phát triển toàn diện theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Nhà trường làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục nên đã nhận được sự quan tâm của các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, đầu tư hỗ trợ kinh phí tu sửa cơ sở vật chất ngày một khang trang đáp ứng nhu cầu dạy và học, phối kết hợp với các ban ngành, đoàn thể địa phương các bậc phụ huynh thực hiện tốt việc huy động trẻ ra lớp đảm bảo đạt chuẩn Phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi, thực hiện tốt nhiệm vụ năm học đề ra.

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên, của Đảng uỷ chính quyền địa phương cùng với sự nỗ lực cố gắng phấn đấu không ngừng của tập thể cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh của nhà trường. Đối chiếu với các thành quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được với Bộ tiêu chuẩn tự đánh giá trường mầm non được Bộ Giáo dục Đào tạo ban hành; trong quá trình tự đánh giá trường mầm non số 2 Thanh An đã đạt được những kết quả cụ thể về 5 tiêu chuẩn, 25 tiêu chí.

Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình, các tiêu chuẩn được đánh giá chính xác, khách quan phản ánh đúng chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ

và các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường. Qua quá trình tự đánh giá nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

- *Tổng số tiêu chí: 25 tiêu chí*
 - + *Số tiêu chí đạt yêu cầu: 25*
 - + *Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0*
- *Tiêu chí đạt mức 1: 25/25 tiêu chí đạt 100%*
- *Tiêu chí đạt mức 2: 25/25 tiêu chí đạt 100%*
- *Tiêu chí đạt mức 3: 19/19 tiêu chí đạt 100 %*

*** Trường mầm non tự đánh giá**

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục Ban hành quy định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, kèm theo Quy định về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường mầm non;

Căn cứ kết quả tự đánh giá của nhà trường, trường mầm non số 2 Thanh An đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3, trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

Trường mầm non số 2 Thanh An đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét công nhận kết quả tự đánh giá của nhà trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3, trường chuẩn quốc gia mức độ 2.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục của trường mầm non số 2 Thanh An, xã Thanh An, tỉnh Điện Biên về công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non. Kính mong được cơ quan chủ quản, cấp ủy chính quyền địa phương, các thành viên trong Hội đồng đánh giá đóng góp ý kiến để công tác tự đánh giá của nhà trường ngày càng chất lượng và hoàn thiện hơn./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (B/c);
- UBND Xã (B/c);
- Lưu VT.

Thanh An, ngày 15 tháng 10 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Vi